

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ
(MINH PHU SEAFOOD CORP)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần I ngày 25 tháng 05 năm 2007)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: .../ĐKNY do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...)

Bản Cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú (MINH PHÚ SEAFOOD CORP.)
✓ Khu Công Nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau
2. Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội
✓ 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bùi Sĩ Tuấn
Số điện thoại: (08) 9207263

Chức vụ: Giám đốc Đầu tư Tài chính
Fax: (08) 9207264

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ

(MINH PHU SEAFOOD CORP)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000072 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần I ngày 25 tháng 05 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên Cổ Phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết: 70.000.000 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết (tính theo mệnh giá): 700.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

❖ Công ty Cổ phần Kiểm toán và tư vấn (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8272 295-8 272 296

Fax: (84.8) 8272 298-8272 300

TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8 242 879

Fax: (84.8) 8 242 997

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04. 9 366 321

Fax: 04. 9 366 318

Email: ssi_hn@ssi.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO-----	3
1.	Rủi ro về kinh tế.....	3
2.	Rủi ro về luật pháp.....	3
3.	Rủi ro về thị trường.....	3
4.	Rủi ro kinh doanh	3
5.	Rủi ro tỷ giá	4
6.	Rủi ro khác.....	4
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH -----	5
1.	Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú (Minh Phu Seafood Corp.).....	5
2.	Tổ chức tư vấn – Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội.....	5
III.	CÁC KHÁI NIỆM -----	6
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT -----	9
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	9
2.	Cơ cấu tổ chức công ty	15
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	19
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông.....	25
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	26
6.	Hoạt động kinh doanh	27
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	51
8.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	55
9.	Chính sách đối với người lao động.....	66
10.	Chính sách cổ tức	68
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	68

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	74
13. Tài sản	85
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	86
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	87
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	88
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	88
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT -----	89
1. Loại chứng khoán:	89
2. Mệnh giá:	89
3. Tổng số chứng khoán niêm yết:	89
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết.....	89
5. Phương pháp tính giá	89
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	90
7. Các loại thuế có liên quan	90
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT -----	91
1. Tổ chức kiểm toán:	91
2. Tổ chức tư vấn:	91
VII. PHỤ LỤC -----	92
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	92
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết	92
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính.....	92
4. Phụ lục IV: Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, kế toán trưởng.....	92
5. Phụ lục V: Quy trình Công bố thông tin nội bộ	92
6. Phụ lục VI: Các cam kết và tổng hợp quá trình thay đổi vốn điều lệ của tổ chức niêm yết.....	92

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây đạt tốc độ phát triển cao: năm 2002 đạt 7,1%, năm 2003 đạt 7,3%, năm 2004 đạt 7,7%, 2005 đạt 8,4% và năm 2006 đạt gần 8,2%. Đây chính là một nhân tố thuận lợi đối với ngành thực phẩm chất lượng cao. Hoạt động trong ngành sản xuất tôm, khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người. Khi thu nhập của người dân tăng trưởng cao, nhu cầu đối với thực phẩm có nguồn gốc thủy sản cũng tăng lên nhanh chóng và ngược lại.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống pháp luật của Việt Nam chưa thật sự hoàn chỉnh và có nhiều quy định chồng chéo. Bên cạnh đó, sự khác biệt giữa luật Việt Nam và luật nước ngoài cũng là một nhân tố rủi ro với Công ty, đặc biệt các quy định về chống bán phá giá.

3. Rủi ro về thị trường

Thị trường xuất khẩu chính của Công ty là Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản, đây là thị trường khó tính và có nhiều biến động. Những quy định về chất lượng ngày càng cao của sản phẩm nhập khẩu vào EU, Mỹ, các rào cản về thuế, ký quỹ v.v... là những nhân tố có thể làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

4. Rủi ro kinh doanh

Rủi ro về nguyên vật liệu: Khai thác thủy sản phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết tự nhiên. Nguồn nguyên liệu nuôi trồng thường bị tình trạng tôm chết hàng loạt do nguồn nước bị ô nhiễm, môi trường sinh thái biến động, con giống nhiễm bệnh v.v..., ảnh hưởng tới hoạt động thu mua của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty phải đối đầu với sự cạnh tranh

thu mua nguyên liệu từ các đơn vị khác, ảnh hưởng đến giá cả nguyên liệu và tình hình ổn định sản xuất của Công ty. Hiện nay, Công ty đang đầu tư dự án sản xuất tôm giống, cá giống và dự án nuôi tôm, cá nguyên liệu theo công nghệ mới với vốn đầu tư lớn. Đây là rủi ro lớn đối với Công ty.

Rủi ro về tổ chức sản xuất: Nhân lực là một yếu tố quan trọng trong tổ chức sản xuất. Ngành thủy sản là ngành cần nguồn nhân lực lớn với sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn luôn diễn ra ở mức độ cao.

5. Rủi ro tỷ giá

Công ty thường xuyên phải đối mặt với rủi ro tỷ giá do doanh thu chủ yếu tới từ xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ, thu về ngoại tệ. Nếu đồng USD yếu đi, doanh thu của Công ty sẽ sụt giảm, gây nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Rủi ro khác

Một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng, tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là những rủi ro về hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo v.v... .

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú (Minh Phu Seafood Corp.)

Ông Lê Văn Quang	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản Trị - Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Bình	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn An	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ông Thái Hoàng Hùng	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Anh	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Dũng	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát
Ông Lưu Minh Trung	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn – Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà: Đỗ Thanh Hương

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

(Theo ủy quyền số 08/2006/UQ-SSI ngày 22/02/2006 của Tổng giám đốc Công ty)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Minh Phú cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- ❖ Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú
- ❖ Số liệu tài chính của Nhóm Công ty Minh Phú năm 2005:

được tính bằng cách cộng đơn thuần các khoản mục tương ứng của các Công ty thành viên trong nhóm Minh Phú do tới trước tháng 5/2006, các công ty thành viên của nhóm Minh Phú chưa hoạt động theo mô hình công ty mẹ con nên chưa có báo cáo tài chính hợp nhất.
- ❖ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2006 của Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2006 của Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú:

Năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/06/2006 đến ngày 31/12/2006, là năm tài chính đầu tiên của Tập đoàn và của Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú
- ❖ Công ty: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú
- ❖ Minh Phú: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú
- ❖ Minh Quý: Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Quý
- ❖ Minh Phát: Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phát
- ❖ Minh Phú-Kiên Giang: Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú Kiên Giang
- ❖ Giống thủy sản Minh Phú: Công ty TNHH Giống thủy sản Minh Phú
- ❖ SSI: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
- ❖ HACCP: Hệ thống quản lý chất lượng mang tính phòng ngừa nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm thông qua việc phân tích mối nguy và thực hiện các biện pháp kiểm soát tại các điểm tới hạn

❖ GMP	Quy phạm sản xuất quy định các biện pháp, thao tác thực hành cần tuân thủ đảm bảo sản xuất ra những sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng.
❖ SSOP	Quy phạm vệ sinh quy định quy trình và các thủ tục kiểm soát vệ sinh tại nhà máy
❖ ISO 9001:2000	Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản năm 2000
❖ BRC GLOBAL STANDARD FOOD	- tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu của tập đoàn bán lẻ Anh Quốc phiên bản năm 2005
❖ CIF	Hình thức bán hàng trong đó Bên bán chịu cước tàu và bảo hiểm, Bên mua nhập hàng và chịu thuế
❖ CNF	Hình thức bán hàng trong đó Bên bán chịu cước tàu, Bên mua chịu bảo hiểm, nhập hàng, chịu thuế.
❖ DDP	Hình thức bán hàng trong đó Bên bán chịu cước tàu, bảo hiểm, nhập hàng và chịu thuế, sau đó giao hàng cho Bên mua.
❖ Block	Tủ đông tiếp xúc
❖ Semi block	Tủ đông gió
❖ IQF	Băng chuyên đông IQF
❖ HOSO	Tôm sú nguyên con
❖ HLSO	Tôm sú, tôm thẻ, tôm chì bỏ đầu
❖ HLPD/PD	Tôm sú, tôm thẻ, tôm chì bỏ vỏ, đầu và rút tim
❖ RPTO	Tôm sú bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi, xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5
❖ RPD	Tôm sú bỏ đầu, lột hết vỏ, xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc thứ 5.

❖ REZP	Tôm sú, tôm chì bỏ đầu, cắt vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, cắt dọc sống lưng.
❖ Butterfly	Tôm sú bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi, xẻ sâu dọc sống lưng từ cuối đốt thứ 5 đến hết đốt 1
❖ CPTO	Tôm sú bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi, xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5, hấp chín
❖ CPD	Tôm sú bỏ đầu, lột hết vỏ, xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5, hấp chín
❖ CEZP	Tôm sú, tôm chì bỏ đầu, cắt vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, cắt dọc sống lưng, hấp chín
❖ Nobashi	Tôm sú, tôm thẻ bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi, đuôi cắt V, bẻ kiềm, cắt 1/3 kiềm, cắt bụng và duỗi dài theo quy cách hoặc ép nhẹ thẳng thân tôm
❖ Tôm áo bột	Tôm sú, tôm thẻ bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi, đuôi cắt V, bẻ kiềm, cắt 1/3 kiềm, cắt bụng và duỗi dài theo quy cách hoặc ép nhẹ thẳng thân tôm, áo bột 3 lớp (bột khô, bột ướt, bột xốp)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Tên, địa chỉ của tổ chức niêm yết

- Tên gọi Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ
- Tên giao dịch đối ngoại: Minh Phu Seafood Joint stock Company.
- Tên viết tắt: MINH PHU SEAFOOD CORP.
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau
- Điện thoại: (0780)838262 Fax: (0780) 833119
- E-mail: minhphu@minhphu.com
- Website: www.minhphu.com
- Logo:



- Vốn điều lệ:
 - o Vốn điều lệ hiện tại: **VND 700.000.000.000** (Bảy trăm tỷ đồng). Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Bảng 1: Cơ cấu vốn điều lệ Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú tại thời điểm 02/07/2007

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
1	Cổ đông sáng lập	33.029.800 ¹	330.298.000.000	47,2%
2	Cổ đông phổ thông	36.970.200	369.702.000.000	52,8%
	Tổng	70.000.000	700.000.000.000	100%
1	Cổ đông trong nước	61.497.840	614.978.400.000	87,9%
2	Cổ đông nước ngoài	8.502.160	85.021.600.000	12,1%
	Tổng	70.000.000	700.000.000.000	100%

¹ Trong đó số lượng cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện của cổ đông sáng lập là 30.000.000 cổ phiếu

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

- Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty bao gồm:
 - o Chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản.
 - o Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu.
 - o Nhập máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.
 - o Sản xuất kinh doanh giống thủy sản
 - o Kinh doanh bất động sản, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, thi công, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Giai đoạn 1: Từ năm 1992 đến năm 2002:

Thời kỳ 1992-2000 là thời kỳ hình thành và tích lũy của doanh nghiệp. Ngày 14/12/1992, Doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp cung ứng hàng xuất khẩu Minh Phú, được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 120 triệu đồng, ngành nghề kinh doanh chính là thu mua, chế biến tôm, cua, cá, mực để cung ứng hàng xuất khẩu cho các đơn vị trong tỉnh.

Trong thời kỳ 1998 – 2000, trước nhu cầu mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Xí nghiệp tiến hành tăng vốn liên tục:

- Ngày 01/07/1998, Xí nghiệp được đổi tên thành Xí nghiệp Chế biến thủy sản Minh Phú, đồng thời tăng vốn điều lệ lên 5 tỷ đồng.
- Ngày 17/4/2000, Xí nghiệp tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 43,7 tỷ đồng.
- Ngày 10/08/2000, Xí nghiệp tăng vốn điều lệ lên 79,6 tỷ đồng.

Giai đoạn 2: Từ năm 2002 đến tháng 05/2006:

Thời kỳ 2002-tháng 05/2006 đánh dấu bằng việc chuyển đổi từ hình thức công ty tư nhân sang hình thức công ty TNHH và phát triển nhanh về quy mô của doanh nghiệp. Tháng 12/2002, Xí nghiệp Chế biến thủy sản Minh Phú giải thể, toàn bộ tài sản của xí nghiệp chuyển thành tài sản góp vốn thành lập Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Minh Phú TNHH với số vốn điều lệ là 90 tỷ đồng, hoạt động theo hình thức công ty gia đình với 03 thành

viên góp vốn, đều là thành viên trong một gia đình. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là thu mua, chế biến, xuất khẩu thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu về chế biến hàng xuất khẩu, nhập máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

Ngày 21/10/2003, Công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 180 tỷ đồng, đồng thời bổ sung thêm chức năng: Kinh doanh bất động sản, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, thi công, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

Song song với việc mở rộng năng lực chế biến và quy mô của Công ty Minh Phú, các cổ đông sáng lập của Minh Phú thành lập thêm các công ty khác nhằm hỗ trợ hoạt động chế biến và xuất khẩu cho Minh Phú:

- Ngày 19/09/2000 Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Quý được thành lập với ngành nghề kinh doanh: Chế biến, xuất khẩu thủy sản, nhập khẩu nguyên liệu thủy sản về chế biến hàng xuất khẩu, nhập trang thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu. Vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng. Ngày 15/01/2002, Công ty Minh Quý tăng vốn điều lệ thêm 50 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng. Ngày 12/07/2004, Công ty Minh Quý bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu phục vụ chế biến hàng xuất khẩu.
- Ngày 30/10/2001 Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát được thành lập với ngành nghề kinh doanh chế biến, xuất khẩu thủy sản, nhập khẩu nguyên liệu thủy sản về chế biến hàng xuất khẩu, nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu. Vốn điều lệ ban đầu là 3 tỷ đồng. Ngày 16/04/2003, Minh Phát tăng vốn điều lệ lên 57 tỷ đồng.
- Ngày 27/12/2001, Công ty Mseafood với vốn điều lệ 100.000 USD được thành lập tại Mỹ và trở thành công ty liên kết của Minh Phú, chịu trách nhiệm nhập khẩu và phân phối sản phẩm của nhóm Công ty Minh Phú vào thị trường Mỹ.
- Ngày 16/01/2006, Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang được thành lập với vốn điều lệ 9 tỷ đồng. Ngành nghề kinh doanh: Nuôi trồng các loại thủy sản, chế biến, xuất khẩu, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, nhập khẩu, mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, nhập khẩu kinh doanh nguyên liệu thủy sản dùng cho chế biến thực phẩm và các chất phụ gia phục vụ cho chế biến thủy sản. Quý III năm 2007 Minh Phú-Kiên Giang tiến hành tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ.07 của Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú ngày 07/05/2007.

- Ngày 09/02/2006, Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú được thành lập với vốn điều lệ 9 tỷ đồng. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, cung cấp giống thủy sản. Quý III năm 2007, công ty Giống thủy sản Minh Phú tăng vốn lên 30 tỷ đồng theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ.07 của Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú ngày 07/05/2007.

Giai đoạn 3: từ tháng 05/2006 tới nay

Từ tháng 05 năm 2006, Minh Phú chuyển dần từ mô hình Công ty TNHH sang mô hình Công ty mẹ - công ty con với các bước như sau:

- Ngày 05/06/2006, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý chính thức tăng vốn từ 70 tỷ đồng lên 200 tỷ bằng lợi nhuận giữ lại.
- Ngày 05/06/2006, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát chính thức tăng vốn từ 57 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng bằng lợi nhuận giữ lại và tiền mặt từ các thành viên góp vốn.
- Ngày 12/05/2006, Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Minh Phú TNHH chính thức chuyển đổi từ hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức Công ty cổ phần với mức vốn điều lệ là 600 tỷ đồng và trở thành công ty mẹ của các công ty Minh Quý, Minh Phát, Công ty Thủy hải sản Minh Phú Kiên Giang, Công ty Giống thủy sản Minh Phú Ninh Thuận. Toàn bộ phần vốn điều lệ tăng thêm (420 tỷ đồng) từ 180 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng được góp bằng tiền mặt. Từ tháng 5 đến tháng 6/2006, Công ty Minh Phú tiến hành mua lại các công ty của cổ đông sáng lập như sau:
 - o Mua lại 97,5% vốn điều lệ Công ty Minh Quý thuộc sở hữu của cổ đông sáng lập Minh Phú (tương đương với 195 tỷ đồng mệnh giá) với giá 195 tỷ đồng.
 - o Mua lại 95% vốn điều lệ Công ty Minh Phát thuộc sở hữu của cổ đông sáng lập Minh Phú (tương đương với 95 tỷ đồng mệnh giá) với giá 95 tỷ đồng.
 - o Mua lại 95% vốn điều lệ Công ty Minh Phú-Kiên Giang thuộc sở hữu của cổ đông sáng lập Minh Phú (tương đương với 8,55 tỷ đồng mệnh giá) với giá 8,55 tỷ đồng.
 - o Mua lại 95% vốn điều lệ Công ty Giống thủy sản Minh Phú thuộc sở hữu của cổ đông sáng lập Minh Phú (tương đương với 8,55 tỷ đồng mệnh giá) với giá 8,55 tỷ đồng.

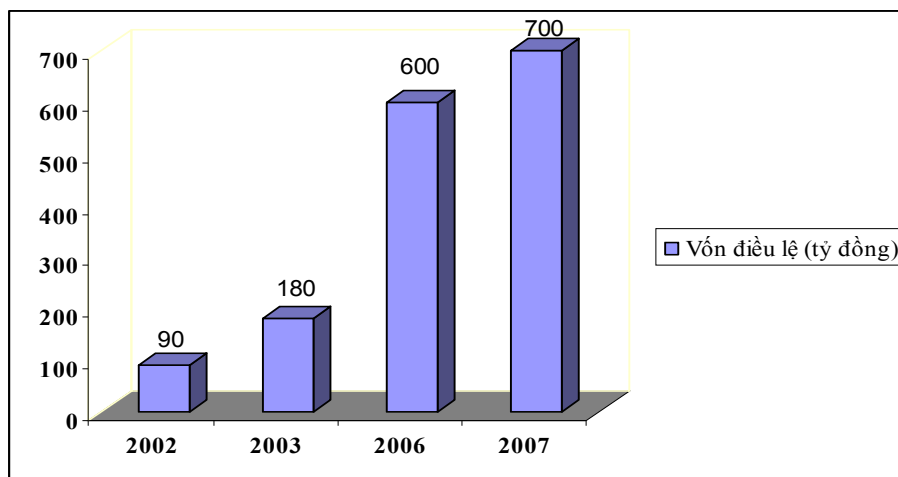
- Tháng 12/2006, Minh Phú thành lập Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú với vốn điều lệ 90 tỷ đồng (Minh Phú nắm 100% vốn điều lệ) tại Hậu Giang chuyên sản xuất và chế biến cá tra.

Ngày 27/12/2006, Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú chính thức đăng ký niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu MPC.

Tháng 06/2007, Minh Phú tiến hành tăng vốn điều lệ từ 600 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng trong đó:

- 60 tỷ đồng trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ cổ tức 10%)
- 30 tỷ đồng phát hành cho cổ đông chiến lược
- 10 tỷ đồng phát hành cho một số cán bộ công nhân viên chủ chốt.

Hình 1: Biểu đồ tăng trưởng vốn điều lệ của Công ty Minh Phú thời kỳ 2002 – 2007



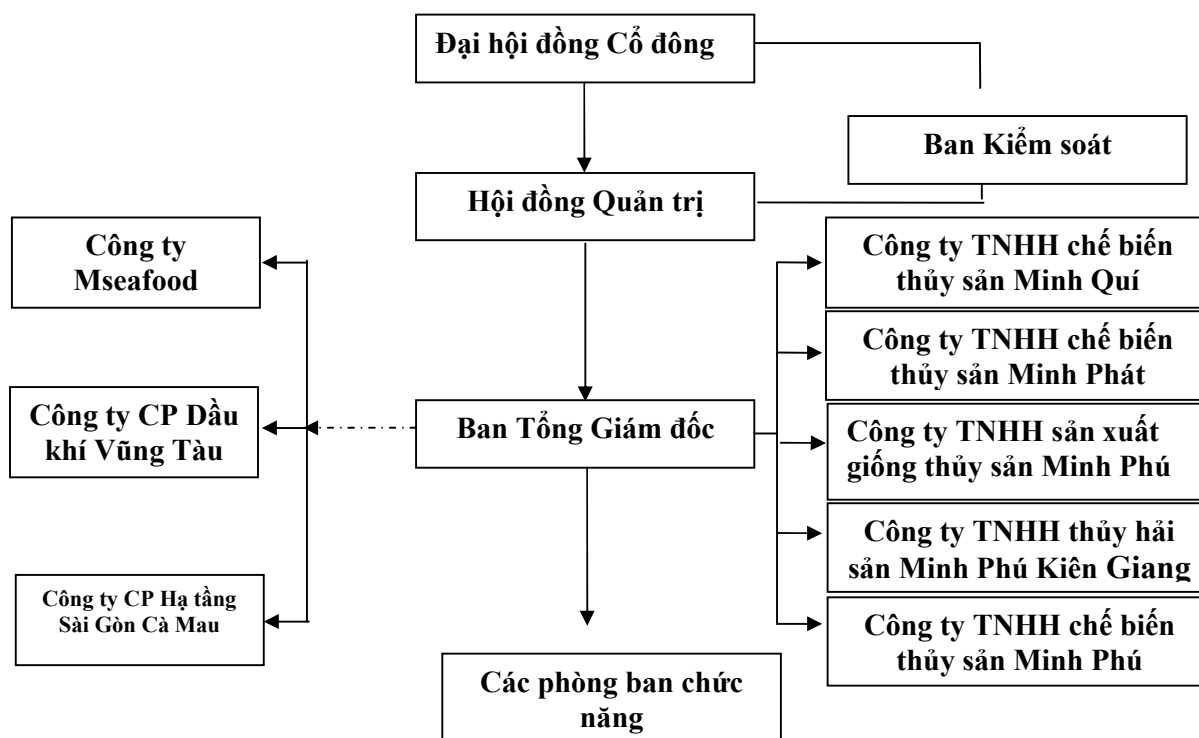
Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

Tới nay, Công ty cổ phần Thủy hải sản Minh Phú hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con với 5 công ty con mà Minh Phú nắm quyền chi phối là Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (Minh Phú nắm 97,5% vốn điều lệ), Công ty TNHH chế biến Thủy sản Minh Phát (Minh Phú nắm 95% vốn điều lệ), Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú (Minh Phú nắm 98,5% vốn điều lệ), Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang (Minh Phú nắm 99,1% vốn điều lệ), Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú (Minh Phú nắm 100% vốn điều lệ) và 3 công ty liên kết là Mseafood (Cổ đông sáng lập của Minh Phú nắm 100% vốn điều lệ), Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn Cà Mau (vốn điều lệ 50 tỷ đồng, Minh Phú nắm 5%), và Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu (vốn điều lệ

90 tỷ đồng, Minh Phú nắm 35,5%). Tôn chỉ hoạt động kinh doanh của Công ty là *uy tín, chất lượng, vệ sinh, an toàn và hiệu quả*.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Sơ đồ 1: Bộ máy quản lý Công ty



❖ Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (84.780) 838262

Fax: (84.780) 833119

Vốn điều lệ: 700.000.000.000 đồng; Vốn thực góp: 700.000.000.000 đồng

❖ Các công ty con

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quí

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (84.780) 668019

Fax: (84.780) 820019

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng, trong đó Minh Phú nắm 97,5% vốn điều lệ. 2,5% vốn điều lệ còn lại thuộc sở hữu của Bà Chu Thị Bình, Ủy viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú. Vốn thực góp là 200.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến, xuất khẩu thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu về chế biến hàng xuất khẩu, nhập trang thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu

Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát

Địa chỉ: Ấp Thạnh Điền xã Lý Văn Lâm Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (84.780) 820044

Fax: (84.780) 668036

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng, trong đó Minh Phú nắm 95% vốn điều lệ, 5% vốn điều lệ còn lại thuộc sở hữu của Ông Lê Văn Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú. Vốn thực góp là 100.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến, xuất khẩu thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu về chế biến hàng xuất khẩu, nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu

Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú

Địa chỉ: Thôn Hòa Thuận, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại: (84.68) 214789

Fax: (84.68) 214789

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng, trong đó Minh Phú nắm 98,5% vốn điều lệ, 1,5% vốn điều lệ còn lại thuộc sở hữu của Ông Lê Văn Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú. Vốn thực góp là 30.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, cung cấp giống thủy sản.

Công ty TNHH Thủy Hải sản Minh Phú-Kiên Giang

Địa chỉ: Ấp Cảng xã Hòa Điền huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: (84) 983925697

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng, trong đó Minh Phú nắm 99,1% vốn điều lệ, 0,9% vốn điều lệ còn lại thuộc sở hữu của Ông Lê Văn Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú. Vốn thực góp là 50.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh: Nuôi thủy sản, trồng các loại thủy sản dưới nước, chế biến, xuất khẩu, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, nhập khẩu, mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, nhập khẩu kinh doanh nguyên liệu thủy sản dùng cho chế biến thực phẩm và các chất phụ gia phục vụ cho chế biến thủy sản.

Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú

Địa chỉ: ấp Phú Hưng, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại: 0989279979

Vốn điều lệ : 90 tỷ đồng, trong đó Minh Phú nắm 100% vốn điều lệ. Hiện nay Minh Phú đã tiến hành góp đủ 90 tỷ đồng vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến bột cá, thủy sản xuất khẩu, sản xuất dầu sinh học biodiezen từ mỡ cá, sản xuất và kinh doanh thức ăn cho tôm cá, thức ăn gia súc, nuôi trồng thủy sản, tôm, cá, đầu tư xây dựng cảng Container và hàng hóa vật tư, đầu tư xây dựng kho, cảng xăng, dầu, khí, gas, kinh doanh xăng dầu, khí gas, kinh doanh hàng hóa vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất

❖ **Công ty liên kết**

Mseafood Corporation

Địa chỉ: 1 World Trade Center, Floor 8, Long Beach, CA 90831-0002

Điện thoại: (001)714.366.0078

Vốn điều lệ: 100.000 USD, trong đó Ông Lê Văn Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú nắm 100% vốn điều lệ. Hiện nay Mseafood đang tiến hành tăng vốn điều lệ lên 22.000.000 USD. Minh Phú đang tiến hành các thủ tục để tham gia đầu tư 90% vốn của Mseafood sau khi Mseafood tăng vốn. Thời gian dự kiến hoàn thành khoảng quý IV năm 2007.

Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn Cà Mau

Địa chỉ: khu Công nghiệp Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0989279979

Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng, trong đó Minh Phú nắm 10% vốn điều lệ. Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê, xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình, chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng, hoàn thiện công trình xây dựng, cho thuê thiết bị xây dựng hoặc thiết bị phá dỡ có kèm người điều khiển.

Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu

Địa chỉ: Số 51 đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

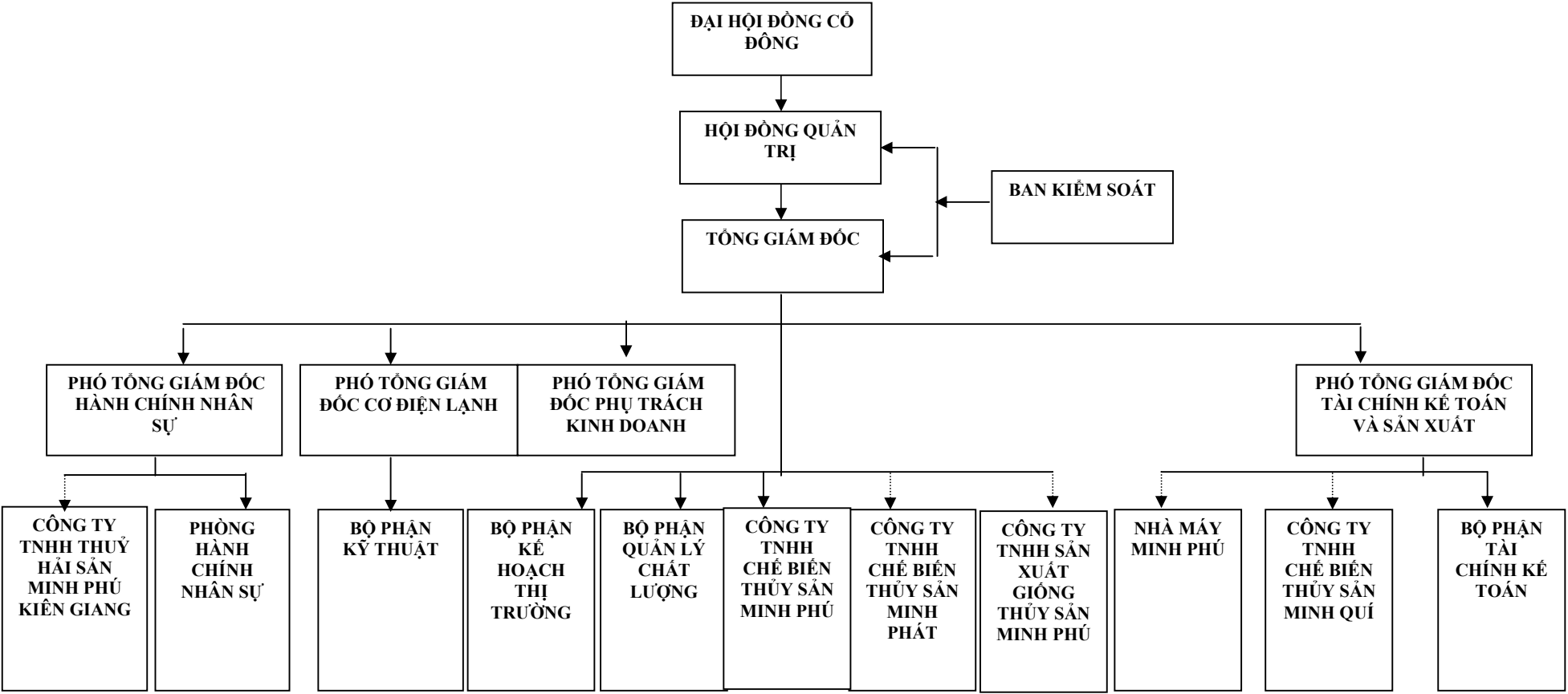
Điện thoại: 064.859037

Vốn điều lệ: 90 tỷ đồng, trong đó Minh Phú góp 35,56% vốn. Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ, mua bán khí đốt hóa lỏng, cung ứng nhiên liệu cho tàu thuyền trong nước và nước ngoài, mua bán tư liệu sản xuất, máy móc thiết bị, kinh doanh thương mại tổng hợp, kinh doanh dịch vụ cảng, chiết nạp chai khí đốt hóa lỏng, dịch vụ vận tải, vận tải nhiên liệu và sản phẩm từ dầu mỏ bằng đường sông, đường biển trong nước và ngoài nước, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa và môi giới hàng hải, cho thuê kho, bãi, sửa chữa tàu thuyền, sửa chữa giàn khoan biển, khai thác cát, sỏi, đá, cao lanh, đất sét, dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng), xây dựng công trình dân dụng...

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

->: Mỗi quan hệ trong nội bộ Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú
->: Mỗi quan hệ giữa Công ty mẹ Minh Phú và các công ty con
- >: Mỗi quan hệ giữa Công ty mẹ Minh Phú và công ty liên kết

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con. Công ty mẹ là công ty cổ phần, vừa hoạt động kinh doanh vừa thực hiện vai trò quản lý, điều phối chung cho cả nhóm Công ty Minh Phú. Công ty mẹ góp vốn chi phối trong các công ty con. Các công ty con của Minh Phú đều là công ty TNHH, hạch toán độc lập và là pháp nhân riêng. Công ty liên kết là công ty có mối quan hệ chặt chẽ với Công ty mẹ về kinh tế và quản trị hoặc là công ty có phần vốn góp của Minh Phú dưới 51%.

❖ **Công ty mẹ**

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú như sau :

Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên thảo luận và thông qua báo cáo tài chính hàng năm, mức cổ tức hàng năm, bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thông qua các kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị có từ 5 tới 11 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra theo phương thức bầu dồn phiếu, có nhiệm kỳ tối đa 5 năm. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT là đại diện hợp pháp của Công ty.

Hiện nay, Công ty có 5 thành viên HĐQT trong đó 3 thành viên là cổ đông sáng lập. Cơ cấu HĐQT hiện nay của Công ty như sau:

Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Chu Thị Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Chu Văn An	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Quốc Toàn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Đinh Ánh Tuyết	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có từ 3 tới 5 thành viên, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm :

Ông Phan Văn Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Mai Thị Hoàng Minh	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Việt Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, do HĐQT bổ nhiệm, bãi miễn. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 5 năm. Ban Tổng Giám đốc hiện tại của Minh Phú gồm Tổng giám đốc và 4 Phó Tổng giám đốc trong đó Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc là cổ đông sáng lập. Tổng Giám đốc Minh Phú là Chủ tịch Hội đồng Thành viên của các công ty con và là Giám đốc điều hành, cổ đông duy nhất của Công ty liên kết Mseafood.

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc hiện tại như sau:

Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc Công ty Minh Phú, kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên Công ty Minh Phú, Minh Phát, Minh Phú-Kiên Giang và Công ty sản xuất giống thủy sản Minh Phú
Bà Chu Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính kế toán và sản xuất, thành viên HĐQT của Công ty Minh Phú, kiêm Giám đốc Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Quý
Ông Chu Văn An	Phó Tổng Giám đốc phụ trách hành chính nhân sự, thành viên HĐQT của Công ty Minh Phú, kiêm Giám đốc Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát và Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú-Kiên Giang

Ông Thái Hoàng Hùng

Phó Tổng Giám đốc phụ trách phụ trách mảng
cơ điện lạnh của Công ty Minh Phú

Ông Nguyễn Tấn Anh

Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh

Bộ phận Hành chính – Nhân sự

Chịu trách nhiệm tuyển dụng theo yêu cầu của các bộ phận và tham gia sắp xếp bố trí nhân sự, lập kế hoạch và tổ chức đào tạo nội bộ hoặc bên ngoài, tính lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phụ trách văn thư, tiếp tân, tạp vụ, bảo vệ, lái xe.

Bộ phận Kế toán – Tài chính

Chịu trách nhiệm làm thủ tục nhập, theo dõi, tính tiền cho khách hàng bán tôm nguyên liệu; Làm thủ tục, theo dõi nhập xuất đối với tất cả các nguyên nhiên vật liệu; Làm các thủ tục thanh toán tiền cho khách hàng; Tính giá thành sản xuất; Quản lý, theo dõi kho thành phẩm hàng hóa; Làm các thủ tục nhập, theo dõi doanh thu, hóa đơn bán hàng; Quản lý, theo dõi các khoản công nợ phải thu, phải trả, dư nợ vay các tổ chức tín dụng; Làm các thủ tục liên quan đến Ngân hàng như lập kế hoạch xin hạn mức ký hợp đồng tín dụng, hồ sơ nhận nợ vay, hồ sơ thanh toán khác v.v...; Cân đối tiền hàng ngày để đảm bảo cho thu mua nguyên liệu; Lập báo cáo quyết toán tài chính và thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến tài chính kế toán.

Bộ phận Kế hoạch – Thị trường

Phụ trách hoạt động chào hàng, bán hàng; Các thủ tục Hải quan; Quan hệ với các hãng vận chuyển Quốc tế để thuê vận chuyển; Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; Triển khai kế hoạch sản xuất theo hợp đồng hoặc kế hoạch; Các công việc kinh doanh khác.

Bộ phận quản lý chất lượng

Phụ trách quản lý các hồ sơ, tài liệu về HACCP, GMP, SSOP, ISO, BRC; Nghiên cứu, cải tiến công nghệ chế biến; Kiểm tra, đôn đốc và duy trì các hệ thống quản lý chất lượng Quốc tế; Đào tạo nội bộ các quy trình vệ sinh an toàn thực phẩm; Kiểm nghiệm vi sinh và kháng sinh; Kiểm hàng.

Bộ phận Kỹ thuật (cơ điện lạnh)

Phụ trách tư vấn cho lãnh đạo về các thông số kỹ thuật của các máy móc thiết bị; Bố trí, theo dõi lắp đặt các hệ thống máy lạnh, nồi hơi, kho lạnh v.v... ; Vận hành, bảo dưỡng, sửa

chữa toàn bộ máy móc thiết bị, kho lạnh; Lập kế hoạch thẩm định các máy móc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Nhà máy Minh Phú

Chuyên tiếp nhận nguyên liệu, sơ chế, phân cỡ, lên khuôn và cấp đông sản phẩm tôm đông block, bao gói, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Công suất của nhà máy là 5.500 tấn thành phẩm/năm.

❖ Công ty con

Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú

Chuyên sản xuất con giống sạch bệnh áp dụng công nghệ sinh học, cung cấp đủ con giống cho vùng nuôi của nhóm Công ty Minh Phú. Công suất hiện tại là 50 triệu tôm post/tháng.

Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú-Kiên Giang

Chuyên nhận tôm giống từ Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú và nuôi tôm bằng công nghệ sinh học mang tính bền vững. Tôm thương phẩm được cung cấp cho các nhà máy chế biến Minh Phú, Minh Quý, Minh Phát. Hiện nay Công ty Minh Phú-Kiên Giang đang đưa vào nuôi đại trà khoảng 250 ha.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý

Tiếp nhận nguyên liệu đã qua sơ chế từ nhà máy Minh Phú, chế biến các mặt hàng giá trị gia tăng như đông IQF, Nobashi v.v..., công suất nhà máy 7.000 tấn thành phẩm/năm.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát

Tiếp nhận nguyên liệu đã qua sơ chế từ nhà máy Minh Phú, sản xuất các mặt hàng tôm lăn bột, sushi v.v..., bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Công suất thiết kế của Nhà máy Minh Phát là 7000 tấn/năm. Nhà máy Minh Phát đã đi vào hoạt động từ tháng 5 năm 2007.

Thị trường mục tiêu của Minh Phát là thị trường Nhật Bản. Các mặt hàng của Minh Phát chủ yếu là các mặt hàng cao cấp như: Nobashi, tôm xiên que, tôm xẻ bươm, tôm lăn bột, Sushi...

Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú

Chuyên triển khai dự án nuôi và chế biến cá tra bao gồm các dự án :

- Trang Trại Sản Xuất Giống Cá Tra Cty Minh Phú tại xã Phú Hữu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang. Qui mô đầu tư khoảng 20 tỷ đồng (kể cả tiền bồi hoàn đất) trên diện tích 12 hecta, sản lượng dự kiến ban đầu khi đi vào hoạt động sản xuất mỗi năm 200 triệu cá giống, doanh thu ước đạt 100 tỷ đồng / năm.
- Trang Trại Nuôi Cá Tra Thương Phẩm của Cty Minh Phú tại xã Phú Hữu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang. Qui mô đầu tư khoảng 250 tỷ đồng (kể cả tiền bồi hoàn đất) trên diện tích 200 hecta, sản lượng dự kiến ban đầu khi đi vào hoạt động sản xuất mỗi năm 84.000 tấn cá thương phẩm cung ứng nguyên liệu cho Nhà Máy Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Minh Phú liền kề, doanh thu ước đạt 1.260 tỷ đồng / năm.
- Nhà Máy Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Minh Phú tại Cụm Công Nghiệp Tập Trung Nam Sông Hậu, xã Đông Phú , Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang. Qui mô đầu tư khoảng 210 tỷ đồng, công suất chế biến 700 tấn cá Tra nguyên liệu / ngày tương đương 84.000 tấn cá Tra fillet thành phẩm xuất khẩu / năm. Sản lượng đạt tối thiểu 40% công suất thiết kế tức khoảng 33.600 tấn thành phẩm / năm trong vòng 12 tháng kể từ ngày nhà máy đi vào vận hành chính thức, 80% công suất thiết kế tức khoảng 67.200 tấn thành phẩm / năm trong vòng 24 tháng kể từ ngày nhà máy đi vào vận hành chính thức và đạt đến 100% công suất tức khoảng 84.000 tấn thành phẩm / năm trong vòng 12 tháng tiếp theo (sau 3 năm nhà máy đi vào vận hành chính thức).

❖ Công ty liên kết

MSeafood Corporation

Công ty Cổ phần Mseafood có trụ sở đặt tại Mỹ, được thành lập theo luật pháp Mỹ, chuyên nhập khẩu và phân phối tôm thành phẩm của Minh Phú, Minh Phát, Minh Quý tại thị trường Mỹ. Vốn điều lệ hiện tại của Mseafood là 100.000 USD, trong đó Chủ tịch HĐQT kiêm cổ đông sáng lập của Minh Phú nắm 100% vốn điều lệ và giữ chức vụ Giám đốc điều hành. Hiện nay Mseafood đang trong quá trình tăng vốn lên 22.000.000 USD

Minh Phú đang tiến hành các thủ tục với Luật sư Mỹ để tham gia đầu tư đến 90% vốn Mseafood sau khi Mseafood tăng vốn pháp định. Thời gian dự kiến hoàn thành khoảng quý IV năm 2007, ngoại trừ những lý do bất khả kháng.

Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn Cà Mau

Hiện nay Công ty đang triển khai dự án Khu Công nghiệp Khánh An tại Cà Mau

Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu

Công ty sẽ triển khai dự án Kho Cảng xăng dầu Cái Mép tại Khu vực Cái Mép, Bà Rịa - Vũng Tàu với tổng vốn đầu tư dự án : 430 tỷ đồng. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng kho cảng xăng của Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu để tiếp nhận tàu dầu trọng tải 80.000 DWT kết hợp các tàu nhỏ 30.000 DWT và hệ thống kho chứa 120.000m³ giai đoạn 1 trong tổng thể 200.000m³ nhằm kinh doanh cho thuê kho cảng xăng dầu cho các đơn vị có nhu cầu tăng nguồn xăng dầu trên thị trường. Tạo kho cảng tiếp nhận và xuất khẩu hàng hóa cho công ty để kinh doanh xăng dầu cho thị trường ngày càng phát triển.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm 02/07/2007

TT	Cổ đông nắm trên 5% vốn	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng trong tổng vốn điều lệ (%)
1	Aranda Invesments Pte.Ltd	7.000.000	70.000.000.000	10,00
2	Chu Thị Bình	15.959.400	159.594.000.000	22,80
3	Lê Thị Diệu Minh	6.600.000	66.000.000.000	9,43
4	Lê Văn Quang	15.961.000	159.610.000.000	22,80
Tổng cộng		45.520.400	455.204.000.000	65,03

Nguồn : Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 02/07/2007

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
1	Ông Lê Văn Quang	15.961.000	159.610.000.000	22,8
2	Bà Chu Thị Bình	15.959.400	159.594.000.000	22,8
3	Ông Chu Văn An	1.109.400	11.094.000.000	1,58%
	Tổng	32.929.800	329.298.000.000	47,18%
Trong đó số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện theo Luật Doanh nghiệp là:				
1	Ông Lê Văn Quang	14.500.000	145.000.000.000	20,7%
2	Bà Chu Thị Bình	14.500.000	145.000.000.000	20,7%
3	Ông Chu Văn An	1.000.000	10.000.000.000	1,4%
	Tổng	30.000.000	300.000.000.000	42,8%

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

Ngày 01/07/2006, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội có hiệu lực. Theo quy định tại Điều 84 mục 5 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội: trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty. Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần vào ngày 12 tháng 5 năm 2006 do vậy mọi điều kiện chuyển nhượng áp dụng với cổ đông sáng lập đều còn hiệu lực và tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp 60/2005/QH11 của Quốc hội.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Bảng 4: Các công ty Minh Phú nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (VND)	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau	200.000.000.000	19.500.000	97,5
2	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Ấp Thạnh Điền xã Lý Văn Lâm Thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau	100.000.000.000	9.500.000	95
3	Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Thôn hòa Thuận, xã An Hải , huyện Ninh Phước tỉnh Ninh Thuận	30.000.000.000	2.955.000	98,5
4	Công ty TNHH thủy hải sản Minh	Ấp Càng xã Hòa Điền huyện Kiên Lương	50.000.000.000	4.955.000	99,1

	Phú-Kiên Giang	tỉnh Kiên Giang			
5	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú	Ấp Phú Hưng, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	90.000.000.000	90.000.000.000	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

Minh Phú không chịu sự chi phối của công ty nào.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm, dịch vụ

a. Các nhóm sản phẩm chính của Công ty

Minh Phú là Công ty chuyên kinh doanh về thủy sản. Mặt hàng chính của Công ty là tôm đông lạnh.

Các sản phẩm chủ lực của Công ty gồm:

- Tôm tươi : RPTO IQF ,RPD IQF , HLSO Block , HLSO IQF , EZP IQF...
- Tôm hấp : CPTO IQF , CPD IQF , CEZP ...
- Mặt hàng cao cấp : Tôm Nobashi
- Bên cạnh đó, Công ty còn sản xuất tôm xiên que, xê bướm, tôm ring, tôm bột, Sushi...

Bảng 5: Một số sản phẩm tiêu biểu của Công ty

STT	TÊN MẶT HÀNG	MÔ TẢ CHI TIẾT QUI CÁCH MẶT HÀNG
(1)	(2)	(3)
MẶT HÀNG TÔM ĐÔNG BLOCK KHÔNG SỬ DỤNG HOÁ CHẤT		
01	HOSO đông Semi Block	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú nguyên con - Tôm nguyên con đông semi block (<i>sử dụng túi đông gió</i>)
02	HLSO đông Block	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú , tôm Thẻ, tôm Chì - Tôm còn vỏ bỏ đầu đông block
03	HLPD/ PD đông Block	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú , tôm Thẻ, tôm Chì - Tôm bỏ đầu, lột hết vỏ, rút tim đông block , theo size tôm vỏ
04	HLSO đông Block	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú , tôm Thẻ, tôm Chì - Tôm còn vỏ bỏ đầu - Xử lý hoá chất STPP

		- Cấp đông dạng block (<i>sử dụng tủ đông tiếp xúc</i>)
05	R.PTO đông Block	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi. - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5 - Xử lý hoá chất STPP - Cấp đông dạng block (<i>sử dụng tủ đông tiếp xúc</i>)
06	R.PD đông Block	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi. - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5 - Xử lý hoá chất STPP - Cấp đông dạng block (<i>sử dụng tủ đông tiếp xúc</i>)
MẶT HÀNG TÔM TƯƠI ĐÔNG IQF SỬ DỤNG HOÁ CHẤT		
07	R.PTO đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi. - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5 - Xử lý hoá chất STPP - Cấp đông dạng IQF (<i>sử dụng băng chuyền đông IQF</i>)
08	R.PD đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú - Tôm bỏ đầu, lột hết vỏ. - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5 - Xử lý hoá chất STPP - Cấp đông dạng IQF (<i>sử dụng băng chuyền đông IQF</i>)
09	HLSO đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú, tôm Chi - Tôm còn vỏ bỏ đầu - Xử lý hoá chất STPP - Cấp đông dạng IQF (<i>sử dụng băng chuyền đông IQF</i>)
10	R.EZP đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú, tôm Chi - Tôm còn vỏ bỏ đầu - Cắt vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, cắt dọc sống lưng. - Xử lý hoá chất STPP - Cấp đông dạng IQF (<i>sử dụng băng chuyền đông IQF</i>)
11	Butterfly đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi. - Xẻ dọc sống lưng từ cuối đốt thứ 5 đến hết đốt thứ nhất, sâu - Xử lý hoá chất STPP - Cấp đông dạng IQF (<i>sử dụng băng chuyền đông IQF</i>)
12	R.PD xiên que đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú - Tôm bỏ đầu, lột hết vỏ. - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4, 5 hoặc không xẻ lưng - Xử lý hoá chất STPP - Xiên que ứng với số con/que, xiên đơn hoặc xiên kép. - Cấp đông dạng IQF (<i>sử dụng băng chuyền đông IQF</i>)
MẶT HÀNG TÔM HẤP CHÍN ĐÔNG IQF SỬ DỤNG HOÁ CHẤT		
13	C.PTO đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi. - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5

		- Xử lý hoá chất STPP - Hấp chín (<i>sử dụng băng chuyền Hấp</i>) - Cấp đông dạng IQF (<i>sử dụng băng chuyền đông IQF</i>)
14	C.PD đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú - Tôm bỏ đầu, lột hết vỏ. - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5 - Xử lý hoá chất STPP - Hấp chín (<i>sử dụng băng chuyền Hấp</i>) - Cấp đông dạng IQF (<i>sử dụng băng chuyền đông IQF</i>)
15	C.EZP đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú, tôm Chì - Tôm còn vỏ bỏ đầu - Cắt vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, cắt dọc sống lưng, - Xử lý hoá chất STPP - Hấp chín (<i>sử dụng băng chuyền Hấp</i>) - Cấp đông dạng IQF (<i>sử dụng băng chuyền đông IQF</i>)
MẶT HÀNG TÔM NOBASHI (sử dụng hoá chất và không sử dụng hoá chất) và TÔM ÁO BỘT		
16	Nobashi không hoá chất	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú, tôm Thẻ - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi. - Xử lý đuôi: Cắt V, bẻ kiềm, cắt 1/3 kiềm... - Cắt bụng và đuôi dài theo qui cách hoặc ép nhẹ thẳng thân tôm - Xếp khay hoặc bord, hút chân không - Cấp đông dạng IQF (<i>sử dụng băng chuyền đông IQF hoặc tủ đông gió</i>)
17	Nobashi có hoá chất <i>Qui cách 1</i>	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú, tôm Thẻ - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi. - Xử lý đuôi: Cắt V, bẻ kiềm, cắt 1/3 kiềm... - Cắt bụng và đuôi dài theo qui cách hoặc ép nhẹ thẳng thân tôm - Xử lý hoá chất STPP - Cấp đông (<i>sử dụng băng chuyền đông IQF</i>) rồi vô bọc hút chân không
18	Nobashi có hoá chất <i>Qui cách 2</i>	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú, tôm Thẻ - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi. - Xử lý đuôi: Cắt V, bẻ kiềm, cắt 1/3 kiềm... - Cắt bụng và đuôi dài theo qui cách hoặc ép nhẹ thẳng thân tôm - Xử lý hoá chất STPP - Cấp đông (<i>sử dụng băng chuyền đông IQF</i>) rồi vô bọc hút chân không
19	Tôm áo bột	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm Sú, tôm Thẻ - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi. - Xử lý đuôi: Cắt V, bẻ kiềm, cắt 1/3 kiềm... - Cắt bụng và đuôi dài theo qui cách - Xử lý hoá chất STPP - Áo bột 3 lớp (bột khô-bột ướt-bột xốp) - Xếp khay - Cấp đông (<i>sử dụng băng chuyền đông IQF</i>)

Sản phẩm chính của Nhà máy Minh Phú là tôm đông block. Đây là sản phẩm tôm được đông dạng Block (dạng khối) bằng thiết bị tủ đông tiếp xúc, có quy trình chế biến đơn giản.

Tôm PD block



Tôm HLSO block



Sản phẩm chính của Nhà máy Minh Quý là tôm Nobashi và tôm đông IQF. Tôm đông IQF là tôm được đông rời từng con bằng thiết bị băng chuyền cấp đông IQF

Tôm PD hấp



Tôm Nobashi



Tôm PTO IQF tươi



Tôm PTO IQF hấp



Các mặt hàng của Minh Phát chủ yếu là các mặt hàng cao cấp như: Sushi, Nobashi, tôm xiên que, tôm xẻ bướm, tôm lăn bột, ...

Sushi



Tôm áo bột



b. Sản lượng sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Bảng 6: Cơ cấu sản lượng sản phẩm của nhóm Công ty Minh Phú qua các năm (2004 – 2006)²

Tên sản phẩm	Năm 2004				Năm 2005						Năm 2006					
	Sản lượng (tấn)		Doanh thu (tỷ đồng)		Sản lượng (tấn)			Doanh thu (tỷ đồng)			Sản lượng (tấn)			Doanh thu (tỷ đồng)		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	% tăng giảm so với 2004	Giá trị	Tỷ trọng	% tăng giảm so với 2004	Giá trị	Tỷ trọng	% tăng giảm so với cùng kỳ 2005	Giá trị	Tỷ trọng	% tăng giảm so với cùng kỳ 2005
Tôm đông Block sử dụng hóa chất	3.245	26,06	612,036	27	3.128	27,15	-3,61	553.502	27,3	-9,56	2.556	20,7	-18,29	498.673	21,56	-9,91
Tôm đông Block không sử dụng hóa	816	6,55	144,582	6,38	864	7,50	5,88	127.609	6,29	-11,74	1.987	16,09	129,98	341.472	14,76	167,59

² Chỉ tiêu doanh thu được tính dựa trên doanh thu xuất khẩu của cả nhóm Công ty Minh Phú.

chất																
Tôm tươi đông IQF có sử dụng hóa chất	3.955	31,77	838,715	36,7	4.333	37,61	9,56	757.233	37,35	-9,72	4.353	35,25	0,46	803.525	34,74	6,11
Tôm hấp đông IQF có sử dụng hóa chất	2.611	20,97	379,450	16,74	1.729	15	- 33,78	339.506	16,75	-10,53	2.215	17,94	28,11	450.507	19,48	32,69
Tôm Nobashi	1.823	14,65	292,016	13,18	1.468	12,74	-19,47	249.575	12,31	-14,53	1.238	10,02	-15,67	218.556	9,46	-12,43
Tổng	12.450	100	2.266,799	100	11.522	100	-7,45	2.027,425	100	-10,56	12.349	100	7,18	2.312.733	100	14,07

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú)

Bảng 7: Cơ cấu sản lượng sản phẩm và doanh thu phân theo thị trường xuất khẩu của Công ty (2004 – 2006)³

Thị trường xuất khẩu	Năm 2004				Năm 2005						Năm 2006					
	Sản lượng (tấn)		Doanh thu (tỷ đồng)		Sản lượng (tấn)			Doanh thu (tỷ đồng)			Sản lượng (tấn)			Doanh thu (tỷ đồng)		
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	% tăng giảm so với 2004	Giá trị	Tỷ trọng	% tăng giảm so với 2004	Giá trị	Tỷ trọng	% tăng giảm so với cùng kỳ 2005	Giá trị	Tỷ trọng	% tăng giảm so với cùng kỳ 2005
USA	9,074	72.88	1,750	77.19	6,233	54.10	-31.31	1,207	59.55	-31.03	6,160	49.88	-1.17	1,216	52.57	0.75
Japan	1,344	10.80	227	10.01	2,178	18.90	62.05	340	16.77	49.78	1,932	15.64	-11.29	362	15.65	6.47
Canada	1,004	8.06	149	6.57	1,659	14.40	65.24	275	13.57	84.56	1,066	8.63	-35.74	192	8.30	-30.18
Australia	504	4.05	71	3.13	346	3.00	-31.35	51	2.52	-28.17	906	7.34	161.85	143	6.18	180.39
Hongkong	198	1.59	27	1.19	161	1.40	-18.69	22	1.09	-18.52	340	2.75	111.18	53	2.29	140.91
EU	186	1.49	24	1.06	530	4.60	184.95	79	3.90	229.17	673	5.45	26.98	99	4.28	25.32
Khác	140	1.12	19	0.84	415	3.60	196.43	53	2.61	178.95	1,272	10.30	206.51	248	10.72	367.92
Tổng	12,450	100.00	2,267	100.00	11,522	100.00		2,027	100		12,349	100		2,313	100	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú)

³ Chỉ tiêu doanh thu được tính dựa trên doanh thu xuất khẩu của cả nhóm Công ty Minh Phú.

b. Quy trình sản xuất các sản phẩm

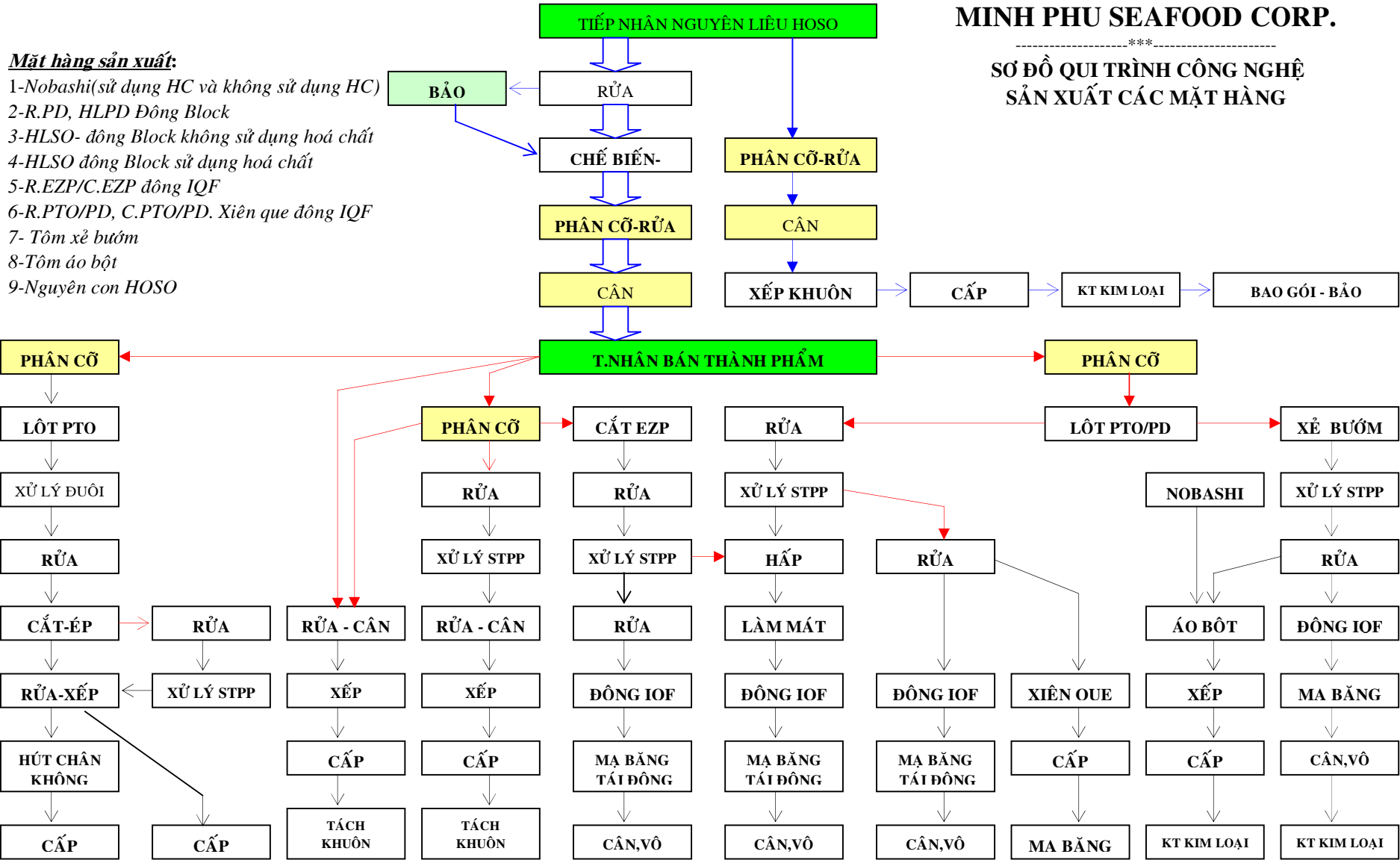
Mặt hàng sản xuất:

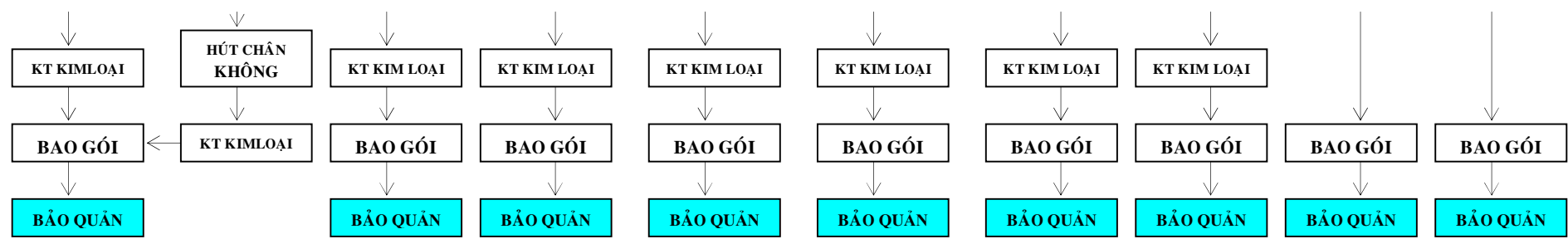
- 1-Nobashi(sử dụng HC và không sử dụng HC)
- 2-R.PD, HLPD Đông Block
- 3-HLSO- đông Block không sử dụng hoá chất
- 4-HLSO đông Block sử dụng hoá chất
- 5-R.EZP/C.EZP đông IQF
- 6-R.PTO/PD, C.PTO/PD. Xiên que đông IQF
- 7- Tôm xẻ bướm
- 8-Tôm áo bột
- 9-Nguyên con HOSO

MINH PHU SEAFOOD CORP.

-----***-----

**SƠ ĐỒ QUI TRÌNH CÔNG NGHỆ
SẢN XUẤT CÁC MẶT HÀNG**





6.2 Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính

Nguyên vật liệu chính của Công ty là tôm nguyên liệu, chiếm khoảng 93,2 % trong tổng giá thành sản phẩm. Công ty áp dụng phương thức thu mua tôm nguyên liệu sau khi được sơ chế tại nhà máy của mình (bỏ đầu, bỏ vỏ...) và đạt đủ các tiêu chuẩn chất lượng về vệ sinh và an toàn thực phẩm, dư lượng kháng sinh.... Với phương thức mua như vậy, Công ty tránh được những rủi ro trong khâu quản lý thu mua, cũng như chất lượng của tôm nguyên liệu.

Tôm nguyên liệu phải có màu đặc trưng của tôm tươi, sáng bóng, không có tạp chất và đạt các tiêu chuẩn vi sinh vật và tiêu chuẩn hoá học và kháng sinh như sau

Tiêu chuẩn vi sinh vật

Stt	Tên chỉ tiêu	Mức giới hạn
01	Tổng số vi khuẩn hiếu khí, số khuẩn lạc trong 1 gam sản phẩm	< 1.000.000
02	Coliform, số khuẩn lạc trong 1 gam sản phẩm	< 200
03	Staphylococcus aureus, số khuẩn lạc trong 1 gam sản phẩm.	< 100
04	Escherichia coli, trong 1 gam sản phẩm	Không có
05	Salmonella, trong 25 gam sản phẩm	Không có
06	Shigella, trong 25 gam sản phẩm	Không có
07	Vibrio Cholerae trong 25 gam	Không có
08	Vibrio Parahaemolyticus trong 25 gam	Không có

Tiêu chuẩn hóa học và kháng sinh

Stt	Tên chỉ tiêu	Mức giới hạn
01	Dư lượng Sulfite	<10ppm
02	Aristolochia spp và các chế phẩm từ chúng	Không phát hiện
03	Chloramphenicol	Không phát hiện
04	Chloroform	Không phát hiện
05	Chlorpromazine	Không phát hiện
06	Colchicine	Không phát hiện
07	Dapsone	Không phát hiện
08	Dimetridazole	Không phát hiện
09	Metronidazole	Không phát hiện
10	Nitrofurantoin (bao gồm cả Furazolidone)	Không phát hiện
11	Ronidazole	Không phát hiện
12	Green Malachite (Xanh Malachite)	Không phát hiện
13	Iprnidazole	Không phát hiện

14	Các Nitroimidazole khác	Không phát hiện
15	Clenbuterol	Không phát hiện
16	Diethylstilbestrol (DES)	Không phát hiện
17	Glycopeptides	Không phát hiện
18	Trichlorfon (Dipterex)	Không phát hiện
19	Nhóm Fluoroquinolones (11chất): <i>Danofloxacin, Difloxacin, Enrofloxacin, Ciprofloxacin, Flumequine, Norfloxacin, Ofloxacin, Enoxacin, Lomefloxacin, Sparfloxacin.</i>	Không phát hiện

Nguyên vật liệu phụ

Hóa chất, muối ăn, dầu DO, bao bì đóng gói v.v... , chiếm 3,2% trong chi phí giá thành.

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty

Hàng năm, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng mua tôm nguyên liệu với các nhà cung cấp từ đầu vụ.

Bảng 8: Danh sách các nhà cung cấp tôm nguyên liệu lớn cho Công ty

TT	Nhà cung cấp	Mặt hàng	Tỉnh
1	Doanh nghiệp tư nhân Sùng	Tôm nguyên liệu	Sóc Trăng
2	Doanh nghiệp tư nhân Minh Hy	Tôm nguyên liệu	Cà Mau
3	Doanh nghiệp tư nhân Bích Liên	Tôm nguyên liệu	Cà Mau
4	Công ty TNHH Liên	Tôm nguyên liệu	Cà Mau
5	Công ty TNHH Trang Khanh	Tôm nguyên liệu	Bạc Liêu
6	Doanh nghiệp tư nhân Thái Bình	Tôm nguyên liệu	Cà Mau
7	Doanh nghiệp tư nhân Yển Huy	Tôm nguyên liệu	Cà Mau
8	Công ty TNHH Liên Hứa	Tôm nguyên liệu	Sóc Trăng
9	Công ty TNHH Thủy sản Phong Phú	Tôm nguyên liệu	Cà Mau

Nguồn: Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú

Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Cà Mau là một trong những vùng cung cấp tôm sú lớn nhất thế giới nhờ diện tích mặt nước và diện tích rừng ngập mặn lớn, có thủy triều nên nước ít bị ô nhiễm. Mặt khác, tỉnh chủ yếu áp dụng phương thức nuôi quảng canh nên mặc dù sản lượng thấp nhưng tôm sạch và lớn (thường có kích cỡ 4/6⁽⁴⁾ tới 13/15) trong lúc tôm nuôi công nghiệp chỉ đạt cỡ 16/20. Năm 2005, toàn tỉnh Cà Mau có 247.000 ha diện tích nuôi tôm sinh thái (vừa trồng lúa vừa

nuôi tôm và nuôi tôm trong khu vực rừng ngập mặn) và 1000 ha nuôi tôm công nghiệp, sản lượng tôm đạt 96.000 tấn (Nguồn www.ciren.gov.vn). Nhờ vậy Công ty có nguồn nguyên liệu dồi dào và ổn định. Ngoài Cà Mau, Công ty còn thu mua tôm công nghiệp từ Bạc Liêu, Sóc Trăng v.v...

Minh Phú thường mua tôm nguyên liệu qua các đại lý lớn, với khối lượng nhiều nên mặc dù mức giá thu mua thấp hơn mặt bằng chung của thị trường nhưng vẫn thu hút được nhiều nhà cung cấp nguyên liệu lớn và ổn định.

Trong thời gian tới, khi dự án nuôi tôm tại Công ty TNHH giống thủy sản Minh Phú và Công ty Minh Phú Kiên Giang chính thức được triển khai trên diện rộng, Minh Phú sẽ chủ động được phần nào nguồn nguyên liệu, nhờ đó kiểm soát được chất lượng tôm và dễ dàng cho việc truy xuất nguồn gốc khi cần.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận

Bảng 9: *Biến động giá tôm nguyên liệu trong thời kỳ 2004 – quý I/2007*

Tôm nguyên liệu (một số Size chính)	Đơn vị	03/2004	03/2005	03/2006	03/2007
4/6	Nghìn đồng/kg	302	317	357	389
6/8	Nt	272	290	327	379
8/12	Nt	212	241	262	286
13/15	Nt	192	226	221	227
16/20	Nt	175	170	163	184
21/25	Nt	145	138	140	170
26/30	Nt	125	122	124	156
31/40	Nt	92	99	107	122
41/50	Nt	79	82	95	98

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

Tôm nguyên liệu chiếm tới 93,2% tổng giá thành sản phẩm nên có ảnh hưởng lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong thời kỳ 2004- quý I/2007, giá tôm nguyên liệu tăng liên tục. Việc tăng giá nguyên liệu tôm kết hợp với doanh thu sụt giảm do những rào cản thương mại tại thị trường Mỹ là những nguyên nhân quan trọng khiến lợi nhuận của Minh Phú trong năm 2005 giảm 19% so với năm 2004, từ 240,549 tỷ đồng xuống còn 193,697 tỷ đồng và lợi nhuận nửa cuối năm 2006 (từ thời điểm Minh Phú chuyển sang Công ty cổ phần) ở mức 78,1 tỷ đồng.

⁽⁴⁾ 4 tới 6 con 1 pound. 1 pound tương đương với 0,453 kg

6.3 Chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất của nhóm Công ty Minh Phú chiếm trung bình 93,44% doanh thu trong thời kỳ 2005-2006, chi tiết như sau:

Bảng 10: Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty mẹ Minh Phú thời kỳ 2005– 2006-Quý II/2007

Đơn vị: Triệu đồng

Chi phí	Năm 2005		Năm 2006		Quý I+ II/2007	
	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu thuần
Giá vốn hàng bán	2.252.086	94,7%	1.747.425	95,52%	1.377.901	95,4%
Chi phí bán hàng	41.242	1,73%	27.504	1,5%	21.104	1,46%
Chi phí quản lý	9.185	0,4%	3.701	0,2%	5.412	0,37%
Tổng	2.302.513	96,83%	1.778.630	97,22%	1.404.417	97,2%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú năm 2005, 2006 và Báo cáo quyết toán Quý II/2007

Bảng 11: Cơ cấu chi phí sản xuất của Nhóm Công ty Minh Phú thời kỳ 2005– 2006⁵

Chi phí	Năm 2005		Năm 2006	
	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu thuần
Giá vốn hàng bán	3.772.504	92,2%	1.207.743	89,29%
Chi phí bán hàng	72.673	1,8%	40.160	2,97%
Chi phí quản lý	10.818	0,3%	5.767	0,43%
Tổng	3.855.995	94,2%	1.253.670	92,69%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát năm 2005, báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú năm 2006

Giá vốn hàng bán là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất của nhóm Công ty Minh Phú. Giá vốn hàng bán của Công ty biến động theo giá tôm nguyên liệu qua các năm. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng một quy trình sản xuất hợp lý, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất để giảm thiểu hao hụt trong quá trình chế biến và tiết kiệm nhiên liệu.

⁵ Số liệu của nhóm Công ty Minh Phú trong năm 2005 được tính bằng cách cộng đơn thuần các khoản mục tương ứng của các Công ty thành viên trong nhóm Minh Phú do tới trước tháng 5/2006, các công ty thành viên của nhóm Minh Phú chưa hoạt động theo mô hình công ty mẹ con nên chưa có báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 của Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú và Báo cáo tài chính của Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú có năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/06/2006

Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí sản xuất của công ty do các sản phẩm của Công ty chuyên cung cấp cho các khách hàng là những nhà phân phối lớn, giúp ổn định việc tiêu thụ sản phẩm và giảm thiểu chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng chi phí sản xuất của Công ty.

6.4 Trình độ công nghệ

Nhóm Công ty Minh Phú được trang bị hệ thống máy móc hiện đại, với những dây chuyền sản xuất tiên tiến, được nhập khẩu từ các nước như Nhật Bản, Anh, Mỹ, có ưu điểm tỷ lệ hao hụt và nhiên liệu tiêu thụ thấp.

Bảng 12: Danh sách máy móc chính hiện đang được sử dụng tại

nhà máy Minh Phú, Minh Quý và Minh Phát

TT	Tên	Năm sản xuất	Số lượng (bộ)	Model	Công suất thiết kế	Công suất sử dụng	Nước sản xuất
1	Tủ cấp đông 1	1998	1	N62WB	1000 kg/mẻ	1000 kg/mẻ	Nhật
2	Tủ cấp đông 2	1998	1	N62WB	1000 kg/mẻ	1000 kg/mẻ	Nhật
3	Tủ cấp đông 3	2001	1	N62WB	1000 kg/mẻ	1000 kg/mẻ	Nhật
4	Tủ cấp đông 4	2001	1	N62WB	1000 kg/mẻ	1000 kg/mẻ	Nhật
5	Tủ cấp đông 5	2005	1	1612LSC	1000 kg/mẻ	1000 kg/mẻ	Nhật
6	Tủ cấp đông 6	2005	1	1612LSC	1000 kg/mẻ	1000 kg/mẻ	Nhật
7	Tủ đông gió 1	1998	1	VKL62AM	250kg/mẻ	250kg/mẻ	Nhật
8	Tủ đông gió 2	1999	1	N62WA	250kg/mẻ	250kg/mẻ	Nhật
9	Băng chuyền IQF1	2004	1	2016LLC	500kg/mẻ	500kg/mẻ	Nhật
10	Băng chuyền IQF2	2002	1	2016MSC-L/51	500kg/h	500kg/h	Nhật
11	Băng chuyền IQF3	2002	1	1612MSC-L/51	300kg/h	300kg/h	Nhật
12	Máy làm đá vảy MQ	2002	1	1612MSC-L/51	30tấn/h	30tấn/h	Nhật
13	Máy làm lạnh nước MQ	2002	1	160L-L/51	20m3/h	20m3/h	Nhật
14	Máy chạy dhkk MQ	2002	1	200S-L	200Kw	200Kww	Nhật
15	Máy chạy kho1 MQ	2002	1	1612MSC-L/51	800 tấn (c.suất kho)	800 tấn (c.suất kho)	Nhật
16	Máy chạy kho2 MQ	2002	1	1610MSC-L/52	500 tấn	dự phòng	Nhật
17	Máy làm đá vảy 1 MP	1998	1	N62WB	20tấn/24h	20tấn/24h	Nhật

18	Máy chạy kho1 MP	1998	1	N42WB	300 tấn (c.suất kho)	300 tấn (c.suất kho)	Nhật
19	Máy chạy kho2 MP	1998	1	N62WA	200 tấn	dự phòng	Nhật
20	Máy làm lạnh nước MP	1998	1	N4WB	10m3/h	10m3/h	Nhật
21	Máy chạy điều hòa MP	1998	1	N4WB	75Kw	dự phòng	Nhật
22	Máy làm đá vảy MP	1998	1	N6WB	20 tấn/24h	dự phòng	Nhật
23	Máy làm đá cây 1 (1000)	2001	1	N6WB	700 cây	700 cây	Nhật
24	Máy làm đá cây 1 (1000)	2001	1	N6WB	1000 cây/mẻ (cây = 50kg)	1000 cây/mẻ (cây = 50kg)	Nhật
25	Máy làm đá cây 2 (1000)	2001	1	N6WB			Nhật
26	Máy làm đá vảy 2 MP	2001	1	N62WB	25tấn/24h	25tấn/24h	Nhật
27	Máy làm đá vảy 3 MP	2001	1	N62WB	25tấn/24h	25tấn/24h	Nhật
28	Máy làm lạnh nước 2 MP	2001	1	N4WA	2m3/h	2m3/h	Nhật
29	Nồi hơi 1000 kg/h	2001	1	NH1000-10-R	1000kg/h	1000kg/h	Việt Nam
30	Nồi hơi 500 kg/h	1998	1	NH500-10-R	500kg/h	500kg/h	Việt Nam
31	Máy phát điện PERKIN No1	1998	1	P 800	800KVA	800 KVA	Anh
32	Máy phát điện PERKIN No2	1998	1	P 800	800KVA	800 KVA	Anh
33	Máy phát điện Mitsubishi No5	1999	1	M 500	500KVA	370 KVA	Nhật
34	Máy phân cỡ No1	2001	1		500kg/h	500kg/h	Mỹ
35	Máy phân cỡ No2	2001	1		500kg/h	500kg/h	Mỹ
36	Máy phát điện CATER No3	2002	1	D3508B	1000KVA	1000KVA	Mỹ
37	Máy phát điện CATER No4	2002	1	D3508B	1000KVA	1000KVA	Mỹ
38	Băng chuyền IQF siêu tốc tấm phẳng	2006	1	MSF-1512TJ	1000 kg/h	1000 kg/h	Nhật
39	Băng chuyền IQF siêu tốc dạng lưới	2006	1	MMF-1512TJ	1000 kg/h	1000 kg/h	Nhật
40	Băng chuyền hấp	2006	1	SCWC500	500kg/h	500 kg/h	Đan mạch
41	Máy sản xuất đá vảy 1 MF	2006	1	M90 SS/FC	30tấn/ngày	30tấn/ngày	Nhật, Mỹ
42	Máy sản xuất đá vảy 2 MF	2006	1	M90 SS/FC	30tấn/ngày	30tấn/ngày	Nhật, Mỹ
43	Máy chạy kho lạnh và kho lạnh MF	2006	1	MCN 1612 LSC-L/51	1000 tấn (C suất kho)	1000 tấn (C suất kho)	Nhật , Italia
44	Máy chạy cho kho lạnh MF	2006	1	MCN 2016 LSC-L/51			
45	Máy làm lạnh nước MF	2006	1	BWP-812K	20m ³ /h	20m ³ /h	Nhật, Đức
46	Máy điều hòa MF	2006	2	MCN/60L-L/51	389.000Kcal/h	389.000Kcal/h	Nhật, Đức
47	Băng chuyền IQF cấp đông tôm tằm bột	2007	1	MCN2016 LSC - L51	300kg/h	300kg/h	Nhật, Việt Nam

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Đa dạng hoá sản phẩm là chiến lược trong tương lai của Công ty. Từ trước tới nay, do đặc thù doanh nghiệp không bán sản phẩm tới tay người tiêu dùng cuối cùng nên sản phẩm của Công ty còn chưa phong phú, đa dạng, hoạt động phát triển sản phẩm mới chưa được chú trọng. Trong thời gian tới, Công ty chưa có những sản phẩm mới về tôm. Trong tương lai, khi nhà máy cá ở Hậu Giang xây xong thì công ty sẽ có thêm mặt hàng về cá.

Tại Công ty, Phòng Quản lý chất lượng chuyên phụ trách hoạt động nghiên cứu sản phẩm mới.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng

Hiện tại Công ty đang quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong chế biến thủy sản của Bộ Thủy sản Việt Nam: Công ty có Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong chế biến thủy sản do Cục quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản (Nafiqaved), Bộ Thủy sản cấp ngày 23/8/2005 và gia hạn ngày 10/3/2006 chứng nhận Doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn hiện hành của Ngành thủy sản Việt Nam (tương đương với Chỉ thị 91/493/EEC, 94/356/EEC của Hội đồng châu Âu và quy định về HACCP của Cục Quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ tại 21 CFR 123) trong sản xuất tôm tươi đông lạnh.
- HACCP (Hazard Analysis Critical Control Points): Hệ thống quản lý chất lượng mang tính phòng ngừa nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm thông qua việc phân tích mối nguy và thực hiện các biện pháp kiểm soát tại các điểm tới hạn. Hệ thống quản lý chất lượng HACCP của Công ty đã được NAFIQAVED cấp chứng nhận số 142/2005/CN-ATVS ngày 28.08.2005. Các sản phẩm của Công ty tuân thủ theo đúng quy trình GMP (Good Manufacturing Practices): Quy phạm sản xuất quy định các biện pháp, thao tác thực hành cần tuân thủ đảm bảo sản xuất ra những sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng và SSOP (Sanitation Standard Operating Procedure): Quy phạm vệ sinh quy định quy trình và các thủ tục kiểm soát vệ sinh tại nhà máy.
- ISO 9001:2000: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản năm 2000, quy định các yêu cầu đối với một hệ thống quản lý chất lượng khi một tổ chức cần chứng tỏ năng lực của mình trong việc cung cấp sản phẩm đáp ứng các yêu cầu của khách hàng và các

yêu cầu chế định tương ứng và nhằm nâng cao sự thoả mãn của khách hàng. Hệ thống chất lượng ISO 9001 : 2000 của công ty được chứng nhận bởi SGS (Anh) tháng 10.2002 và tái chứng nhận tháng 10/2005. ISO 9001-2000 có phạm vi chứng nhận cho quá trình chế biến sản phẩm tôm tươi và tôm hấp chín đông lạnh.

- BRC GLOBAL STANDARD FOOD (British Retail Consortium Global Standard Food): tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu của tập đoàn bán lẻ Anh Quốc phiên bản năm 2005. BRC Global Standard Food được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận SGS (Anh) vào tháng 10 năm 2002 và tái chứng nhận vào tháng 10 năm 2005. Tiêu chuẩn BRC có phạm vi chứng nhận cho quá trình chế biến sản phẩm tôm tươi và tôm hấp chín đông lạnh.

Bộ phận quản lý chất lượng

Hoạt động quản lý chất lượng của công ty do Bộ phận Quản lý chất lượng phụ trách. Đây là một trong những hoạt động được Công ty đặc biệt coi trọng do ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận và uy tín của công ty.

Bộ phận Quản lý chất lượng của Công ty có 93 nhân viên, trong số đó tới 42 nhân viên (chiếm 45% tổng số nhân viên) đã qua khoá đào tạo HACCP. Đội ngũ nhân viên quản lý chất lượng của công ty có năng lực và chuyên môn.

Công ty tiến hành kiểm tra dư lượng kháng sinh và hóa chất tại chỗ nhằm cung cấp ra thị trường sản phẩm tôm sạch từ khâu sản xuất tới khâu chế biến, chi tiết như sau:

- Chỉ tiêu kháng sinh: Cloramphenicol, Nitrofurural (AOZ, AMOZ) là các loại kháng sinh có khả năng gây hại đến sức khoẻ người tiêu dùng theo khuyến cáo của các thị trường nhập khẩu thủy sản, các loại kháng sinh này đã được Bộ Thủy sản cấm sử dụng trong nuôi trồng và chế biến thủy sản. Mức giới hạn cho phép của các thị trường EU, Mỹ, Canada, Australia là 0,3ppb. Phương pháp kiểm tra Elisa (Enzyme Linked Immunosorbent Assay), mức giới hạn phát hiện tại phòng kiểm nghiệm của Công ty là Chloramphenicol mức giới hạn phát hiện 0.2ppb, Nitrofurural (AOZ và AMOZ) mức giới hạn phát hiện 0.2ppb. Toàn bộ nguồn nguyên liệu, thành phẩm đều được kiểm tra chỉ tiêu kháng sinh.
- Chỉ tiêu Vi sinh vật: TPC, Coliforms, Ecoli, St. Aureus, Salmonella, Shygella, Vibrio Colerae, Vibrio Parahaemo, Listeria, Enterococci v.v... Đây là những loại vi sinh vật ảnh hưởng đến sức khoẻ người tiêu dùng, gây nên bệnh đường ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, thương hàn, tả v.v... Toàn bộ nguồn nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm, nước

đá, nước sản xuất, bề mặt tiếp xúc sản phẩm, môi trường khu vực sản xuất đều được kiểm tra chỉ tiêu vi sinh vật

6.7 Hoạt động Marketing

Chính sách giá cả

Công ty thực hiện chính sách thanh toán linh động cho từng đối tượng khách hàng để giảm chi phí và tăng sức cạnh tranh, có mức chiết khấu hợp lý cho trung gian và các nhà nhập khẩu theo hình thức ký gửi. Bên cạnh đó Công ty thực hiện chính sách giá cả cạnh tranh để tăng số lượng sản phẩm tiêu thụ. Chiến lược của Công ty là bán giá thấp với số lượng lớn.

Kênh phân phối

Tại các thị trường chủ lực, Minh Phú đã xây dựng được mối quan hệ lâu năm với nhiều nhà phân phối lớn.

Thị trường Mỹ

Thị trường Mỹ là thị trường có sức tiêu thụ lớn, giá bán cao và tiêu chuẩn chất lượng không quá khắt khe. Hơn nữa thị trường Mỹ đặc biệt ưa chuộng sản phẩm tôm cỡ lớn – sản phẩm chủ lực của Công ty. Tại thị trường Mỹ, Công ty thực hiện xuất khẩu qua Công ty Mseafood có trụ sở đặt tại Long Beach, CA, Mỹ.

Bảng 13: *Hoạt động xuất khẩu tôm vào thị trường Mỹ của Minh Phú năm 2005 và 2006*

Năm 2005		Năm 2006			
Sản lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Sản lượng (tấn)	% tăng giảm so với 2005	Giá trị (USD)	% tăng giảm so với 2005
5.968,19	72.812.937	6.159,51	3,21	75.436.368,10	3,60

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

Các rào cản thương mại tại Mỹ:

- Chính sách thuế phá giá (anti-dumping tax): sản phẩm tôm có nguồn gốc Việt Nam khi nhập khẩu vào Mỹ bị đánh thuế phá giá, Minh Phú chịu thuế phá giá 4,38%. Hàng năm Bộ Thương mại Mỹ (DOC) lựa chọn một số công ty để tiến hành xem xét hành chính, dựa trên cơ sở đó để điều chỉnh lại mức thuế phá giá. Minh Phú không nằm trong danh sách các công ty phải xem xét lại thuế trong năm 2006. Công ty cũng đang tiến hành

đàm phán với các nguyên đơn về việc rút đơn kiện và chấp nhận mức thuế phá giá hiện hành.

- Chính sách ký quỹ (Custom Bond): các nhà nhập khẩu phải nộp tiền ký quỹ tương ứng với giá trị thuế bán phá giá tính trên tổng lượng hàng một công ty nhập khẩu (từ nước bị áp thuế) trong vòng 12 tháng. Khoản ký quỹ được tính theo mức thuế bán phá giá hiện hành và sẽ được hoàn trả/nộp thêm sau khi DOC thực hiện xong thủ tục xem xét hành chính với nước bị áp thuế. Bên cạnh việc bị chiếm dụng vốn, nhà nhập khẩu chịu rủi ro về khả năng tăng thuế phá giá của DOC. Do vậy các nhà nhập khẩu yêu cầu các công ty xuất khẩu giao hàng và thanh toán ở Mỹ thay vì giao hàng và thanh toán cho nhà nhập khẩu, đồng nghĩa với việc công ty xuất khẩu phải nộp khoản ký quỹ này. Trong năm 2005, Minh Phú là công ty duy nhất tại Việt Nam có ký quỹ để nhập khẩu tôm vào Mỹ thông qua việc bảo lãnh khoản ký quỹ trị giá 6,48 triệu USD cho Mseafood.

Minh Phú và các công ty con bán hàng cho Mseafood theo hình thức CIF (Cost, Insurance, freight) và CNF (Cost and freight) trong đó Minh Phú và công ty con chịu cước tàu và/hoặc bảo hiểm, Mseafood nhập hàng, chịu thuế và bán cho các nhà phân phối lớn tại Mỹ theo hình thức ký gửi hoặc trực tiếp với giá DDP (dumping duty paid):

- Hình thức ký gửi cho một số khách hàng là những nhà nhập khẩu lớn tại Mỹ với mạng lưới phân phối rộng lớn tới các siêu thị, tàu du lịch dài ngày trên biển, khách sạn, sòng bài và các nhà hàng, quán ăn trong cả nước Mỹ trong đó Mseafood nhập hàng, chịu thuế và ký gửi hàng cho nhà phân phối. Theo hình thức này, Mseafood trả hoa hồng ở mức thấp nhưng sẽ không được thanh toán ngay, phải đợi đến khi nhà phân phối bán được sản phẩm mới nhận được tiền. Một số khách hàng chính thường nhập hàng theo hình thức này là Central Seway, H&N, Expack Seafood Inc v.v...:

Central Seway: nếu trước năm 2005, mỗi năm Công ty này chỉ nhập khẩu 55-60 triệu USD tôm từ Việt Nam thì hiện nay con số này đã lên tới 100-110 triệu USD/năm. Toàn bộ sản lượng tôm Việt Nam (100%) của Central Seway được nhập khẩu từ Minh Phú. Centrai Seway có mạng lưới phân phối sản phẩm tôm cho hệ thống các siêu thị, nhà hàng, khách sạn, sòng bài và các quán ăn tại Los Angeles, Boston, New York, Miami, Chicago, Philadelphia.

H&N và Expack Seafood: có doanh số bán tôm đông lạnh 250 triệu USD/năm. Hiện nay, H&N chuyên phân phối cho hệ thống siêu thị tại Los Angeles, Sanfrancisco, New York và có hệ thống nhà hàng mạnh tiêu thụ sản phẩm tôm. Expack Seafood chuyên phân phối cho hệ thống siêu thị, nhà hàng, quán ăn, khách sạn, sòng bài tại Los

Angeles, New York, Chicago và khắp nước Mỹ và đặc biệt là cung cấp cho các tàu du lịch dài ngày trên biển.

- Hình thức trực tiếp cho những khách hàng khác như Eastern Fish, Berdex v.v...: Mseafood tiến hành nhập hàng, nộp thuế sau đó bán hàng cho khách và thu tiền. Phương thức bán hàng này có ưu điểm là các khoản phải thu thấp nhưng giá bán thấp do khách hàng thường yêu cầu lợi nhuận biên ở mức 15% đến 20%. Trong tương lai, Mseafood sẽ chuyển dần sang hình thức ký gửi.

Do những rào cản thương mại tại Mỹ và chính sách xem xét lại thuế phá giá hàng năm, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp để tiếp tục giữ được thị trường Mỹ, mặt khác giảm thiểu rủi ro:

- Tập trung vào sản phẩm tôm cỡ lớn, giá thành cao đồng thời bán hàng theo hình thức trực tiếp hoặc ký gửi theo giá DDP để giá tính thuế phá giá cao, tránh vi phạm Luật chống bán phá giá của Mỹ
- Tập trung bán cho các khách hàng truyền thống, có uy tín để kiểm soát được giá đồng thời mở rộng thị trường có chọn lọc
- Giảm dần tỷ trọng xuất khẩu vào thị trường Mỹ bằng hoạt động mở rộng xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng khác.

Thị trường Nhật Bản

Thị trường Nhật Bản là thị trường có nhiều yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng, và giá bán. Sản phẩm chính của thị trường là tôm cỡ vừa (16/20, 21/25). Công ty bán sản phẩm thông qua các nhà nhập khẩu lớn như Hanwa Osaka, Maruha v.v...

Để tạo sự ổn định trong việc tiêu thụ sản phẩm Nobashi vào thị trường này, Minh Phú đã thỏa thuận với nhà nhập khẩu Hanwa về việc cung cấp thường xuyên sản phẩm này theo nhu cầu của họ và nhận được hạn mức tín dụng thư 20 triệu USD. Hanwa hiện là nhà nhập khẩu duy nhất của Minh Phú trong sản phẩm Nobashi và sắp tới là sản phẩm sushi, bao bột v.v... của nhà máy Minh Phát.

Thị trường Canada

Canada là thị trường tiềm năng, sản phẩm được ưa chuộng là tôm cỡ lớn. Công ty bán sản phẩm trực tiếp tới các nhà nhập khẩu như FPI, Export Packer, Calkin v.v....

Thị trường EU

EU là thị trường mới mở của Công ty với các khách hàng mới như: Nortrade, Binca, v.v...
Tôm nhỏ (từ 26/30 trở xuống) với giá rẻ là sản phẩm được ưa chuộng tại thị trường này.

Thị trường Australia và New Zealand

Công ty xuất khẩu sản phẩm cho các nhà phân phối lớn như: Markwell, PFD. Australia và New Zealand được đánh giá là thị trường tiềm năng cho sản phẩm tôm RPTO nhỏ.

Chính sách khuếch trương

Công ty chủ trương đa dạng hoá khách hàng, đa dạng hoá thị trường. Trong năm 2005, Công ty đã thâm nhập vào các thị trường mới như: Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Hàn Quốc. Tới năm 2006, Công ty tiếp tục mở ra thị trường Bồ Đào Nha, Bỉ và hướng tới thị trường Đông Âu. Sang năm 2007, Công ty tiếp tục giữ vững các thị trường cũ và mở rộng sang một số nước khác ở Châu Âu và Trung Đông.

Phòng kinh doanh và Ban Giám đốc đảm nhiệm việc quảng bá tiếp thị sản phẩm, gồm các hình thức sau:

- In ấn Catalogue giới thiệu sản phẩm
- Xây dựng trang Website giới thiệu về công ty và sản phẩm
- Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước
- Tham gia các hội chợ chuyên ngành thủy sản trong và ngoài nước: Hội chợ Thủy sản Boston (Mỹ) Hội chợ Thủy sản bờ Tây (Mỹ), Hội chợ Thủy sản tại Nhật bản, Hội chợ Thủy sản Châu Âu Brusel (Bỉ), Hội chợ Vietfish (Vietnam)
- Hàng năm luôn duy trì hoạt động thăm viếng, chăm sóc khách hàng.
- Tiếp thị và giới thiệu và chào bán sản phẩm qua email.
- Gửi hàng mẫu cho khách hàng để khách hàng thực hiện các công tác tiếp thị.
- Xây dựng thương hiệu trong và ngoài nước.
- Chăm sóc khách hàng chu đáo, phúc đáp khách hàng kịp thời.

Quy trình thực hiện chiến lược Marketing

Tại Công ty Minh Phú, Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành Bộ phận bán hàng của Phòng kinh doanh thực hiện hoạt động marketing. Bộ phận bán hàng phối hợp với Vasep để tổ chức tham gia hội chợ, dựng gian hàng. Bên cạnh đó, Bộ phận bán hàng thông qua email, internet, các tạp chí ngành thủy sản để tìm kiếm khách hàng; quảng bá hình ảnh Công ty trên trang web.

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã có Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá Minh Phú số 22076 do Cục sở hữu Công nghiệp cấp ngày 26/08/1996 cho nhóm sản phẩm chế biến tôm, cua, cá, mực; thu mua và cung ứng hàng xuất khẩu tôm, cua, cá, mực v.v..., các dịch vụ về nuôi tôm và bán tôm giống. Đồng thời, nhãn hiệu hàng hoá Minh Phú cũng được Cục sở hữu Công nghiệp Nhật Bản cấp Giấy chứng nhận số 4783762 ngày 02/07/2004.



Công ty Mseafood đã có Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 2.690.497 tại Mỹ cho hoạt động xuất nhập khẩu thủy sản do Cục sở hữu công nghiệp Mỹ cấp ngày 25/02/2005



6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 14: Một số hợp đồng lớn được thực hiện trong năm 2007

Tên khách hàng	Loại sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Nước
Censea	RPTO, CPTO, HLSO , EZP	30.000.000 USD	USA
Expac Seafood	RPTO, RPD	3.000.000 USD	USA
Eastern Fish	CPTO, RPTO	1.500.000 USD	USA
Hanwa Osaka	Nobashi, HLSO	3.000.000 USD	Japan

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Minh Phú

Bảng 15: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ Minh Phú năm 2005 –6 tháng đầu năm 2007

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2007
Tổng tài sản	584.663.571.513	918.818.026.175	57,15%	1.507.864.387.993
Doanh thu thuần	2.376.868.774.903	1.829.428.105.849	-23,03%	1.444.316.427.487
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56.822.424.731	40.872.223.571	-28,07%	69.025.534.963
Lợi nhuận khác	3.812.239.874	3.927.692.075	3,03%	675.725.381
Lợi nhuận trước thuế	60.634.664.605	44.799.915.646	-26,12%	69.701.260.344
Lợi nhuận sau thuế	54.571.198.145	38.858.706.161	-28,79%	66.525.100.955
Tỷ lệ cổ tức (%)	- ⁶	10%		-

Nguồn: Báo cáo tài chính có kiểm toán của Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú năm 2005, 2006 và Báo cáo tài chính quyết toán của Công ty Minh Phú 6 tháng đầu năm 2007.

⁶ Trong năm 2004, 2005, Công ty Minh Phú, Minh Quý, Minh Phát hoạt động theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.

Bảng 16: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của nhóm Công ty Minh Phú năm 2005 –2006⁷

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	% tăng giảm
Tổng tài sản	1.538.036.545.942	1.033.174.744.661	-32,83%
Doanh thu thuần ⁸	4.091.534.027.473	1.352.531.519.953	-66,94%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	209.068.332.959	84.508.708.330	-59,58%
Lợi nhuận khác	3.903.291.359	3.899.571.737	-0,1%
Lợi nhuận trước thuế	212.660.041.931	88.408.280.067	-58,43%
Lợi nhuận sau thuế	193.697.350.906	78.148.245.328	-59,65%

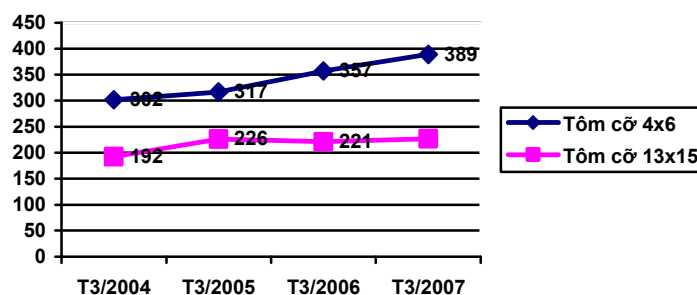
Nguồn: Báo cáo tài chính có kiểm toán của Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát năm 2005 và Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú năm 2006

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các nhân tố ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận sau thuế của nhóm Công ty Minh Phú trong năm 2005 và nửa đầu năm 2006 như sau:

Giá nguyên liệu

Giá nguyên liệu trong thời kỳ 2005, 2006 và quý I/2007 biến động mạnh:

Hình 3: Biến động giá tôm nguyên liệu thời kỳ 2004-QI/2007 (nghìn đồng/kg)

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

⁷ Các chỉ tiêu tổng hợp của nhóm Công ty Minh Phú năm 2005 được tính bằng cách cộng đơn thuần các khoản mục tương ứng trong báo cáo tài chính của Công ty Minh Phú, Minh Phát, Minh Quý. Chỉ tiêu năm 2006 được tính từ ngày 01/06/2006 đến 31/12/2006 là năm tài chính của Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

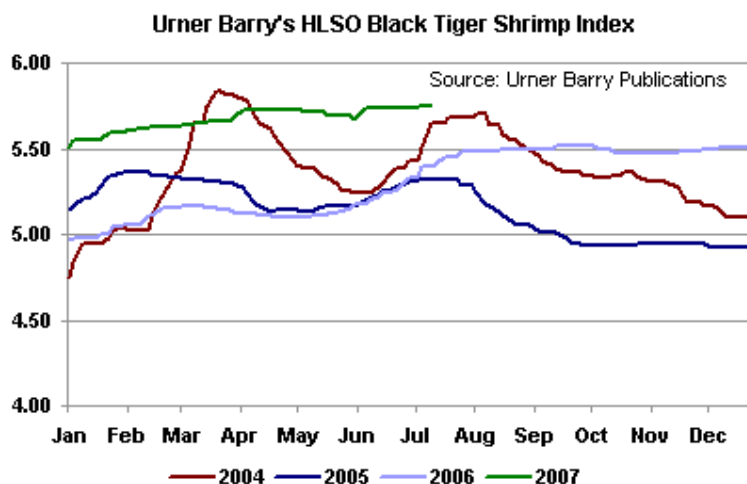
⁸ Nếu dựa trên doanh số xuất khẩu của Nhóm Công ty Minh Phú (loại trừ phần doanh thu nội bộ), doanh thu thuần của nhóm Công ty Minh Phú là 2.027,452 tỷ đồng năm 2005.

Giá nguyên liệu là nhân tố ảnh hưởng sâu sắc nhất tới hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2006. Kể từ đầu năm 2006, thời tiết không thuận lợi và việc sử dụng tôm giống chất lượng kém đã khiến lượng tôm chết tăng cao, tôm không phát triển được. Tình trạng tôm chết trên diện rộng đã đẩy giá tôm nguyên liệu tăng cao, mức lợi nhuận ròng biên của nhóm Công ty Minh Phú giảm mạnh từ 9,5% năm 2005 xuống còn 5,7% năm 2006.

Giá bán sản phẩm tại thị trường Mỹ

Giá bán tôm vào thị trường Mỹ-thị trường tiêu thụ lớn nhất của Công ty năm 2005 giảm mạnh so với năm 2004, sau đó tăng vào năm 2006 và nửa đầu năm 2007

Hình 4: Biến động giá bán tôm HLSO thời kỳ 2003 – 2006 tại thị trường Mỹ



Các rào cản thương mại tại thị trường Mỹ

Kể từ tháng 7 năm 2004, Công ty phải chịu thuế bán phá giá 4,38% khi nhập hàng vào Mỹ.

Bảng 17: Thuế phá giá áp trên mặt hàng tôm của một số doanh nghiệp thủy sản

Stt	Công ty	Biên phá giá
1	Seaprodux Minh Hải (Bạc Liêu)	4,3
2	Minh Phú (Cà Mau)	4,38
3	Camimex (Cà Mau)	5,24
4	Kim Anh (Sóc Trăng)	25,76
5	32 doanh nghiệp khác	4,57
6	Các doanh nghiệp còn lại	25,76

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

Bên cạnh đó, bước sang năm 2005, Công ty chịu ảnh hưởng từ quy định mới của Hải quan Hoa Kỳ về việc đóng tiền đặt cọc đối với hàng nhập khẩu bị đánh thuế chống bán phá giá. Trước đó, hầu hết các nhà nhập khẩu đều chỉ phải đặt cọc 50.000 USD và thanh toán các khoản thuế còn nợ theo từng container hàng. Nhưng theo quy định mới, khoản tiền đặt cọc sẽ tương đương với giá trị thuế bán phá giá tính trên tổng lượng hàng một công ty nhập khẩu (từ nước bị áp thuế) trong vòng 12 tháng. Do vậy, các doanh nghiệp nhập khẩu Mỹ yêu cầu các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam giao hàng và thanh toán ở Mỹ, theo đó doanh nghiệp Việt Nam phải đóng tiền ký quỹ, tự nhập hàng và giao hàng tại Mỹ. Do quy định này, từ tháng 2 tới tháng 5 năm 2005, Công ty phải tạm ngừng xuất khẩu sang Mỹ.

Tới tháng 5 năm 2005, Công ty đã đóng 6.480.000 USD để bảo lãnh ký quỹ cho Mseafood nhập khẩu sản phẩm vào thị trường Mỹ, trong đó Công ty Minh Phú chỉ ký quỹ 10% giá trị, phần còn lại được bảo lãnh bằng tài sản riêng của bà Chu Thị Bình (Phó Tổng Giám đốc Công ty). Minh Phú là Công ty duy nhất tại Việt Nam tính tới thời điểm này đáp ứng được yêu cầu ký quỹ của Mỹ. Mseafood cũng đã tiến hành ký quỹ lần 2 với số tiền 4.500.000 USD cho giai đoạn 2006 và 2.200.000 cho giai đoạn 2007

Trước những khó khăn tại thị trường chủ lực Mỹ, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để ổn định doanh thu và lợi nhuận như:

Quản lý chất lượng sản phẩm

Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống máy móc với công nghệ hiện đại và xây dựng một quy trình hợp lý trong quá trình chế biến sản phẩm, giảm thiểu lượng hao hụt, quản lý chất lượng sản phẩm và quản lý tài chính chặt chẽ, trang bị các máy móc kiểm tra dư lượng

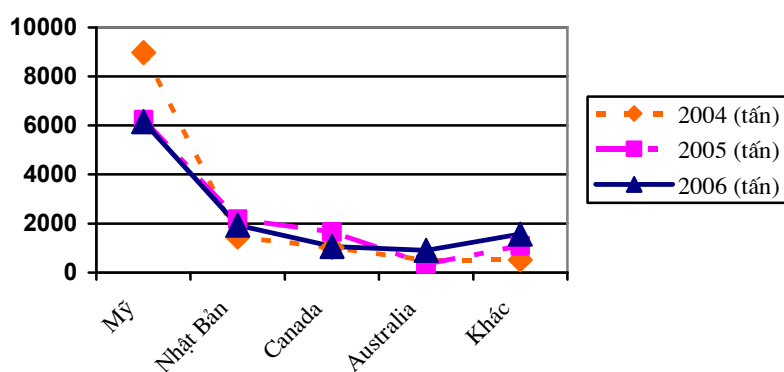
kháng sinh và hóa chất tại chỗ, kiểm soát nguồn nguyên liệu để tăng khả năng truy xuất hàng hóa.

Mở rộng thị trường tiêu thụ

Trong năm 2006, Công ty đã từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ sang các thị trường mới như Bỉ, Trung Đông v.v... và tăng cường xuất khẩu sang các thị trường ngoài Mỹ.

Hình 4: Chuyển dịch thị trường tiêu thụ sản phẩm của Nhóm Công ty Minh Phú

thời kỳ 2004 – 2006



Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

Công ty đã thực hiện chính sách đa dạng hoá khách hàng, đa dạng hoá thị trường, thanh toán linh động cho từng đối tượng khách hàng để giảm chi phí và tăng sức cạnh tranh, thực hiện chính sách giá cả cạnh tranh để tăng sản lượng tiêu thụ, không ngừng nâng cao chất lượng hàng hoá để tạo sự tín nhiệm của khách hàng, và chuyên môn hoá đội ngũ tiếp thị sản phẩm

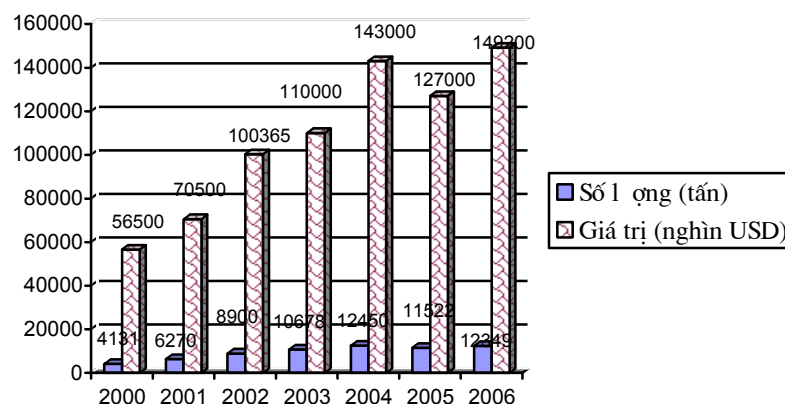
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

a. Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện nay ngành thủy sản có 439 nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu, trong đó có 300 doanh nghiệp áp dụng quy trình sản xuất chất lượng sản phẩm theo HACCP đủ tiêu chuẩn xuất khẩu vào Mỹ, 171 doanh nghiệp đủ điều kiện xuất khẩu sang thị trường EU, trong đó có Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú (nguồn : www.mof.gov.vn).

Là doanh nghiệp lớn nhất trong số 54 doanh nghiệp xuất khẩu tôm tại Việt nam, từ lúc thành lập cho đến nay, Minh Phú luôn giữ được tốc độ phát triển khá nhanh, có thể thấy tốc độ phát triển qua kết quả kinh doanh trong các năm như sau:

Hình 5: Tốc độ phát triển của Minh Phú Seafood Corp. từ năm 2000 - 2006



Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

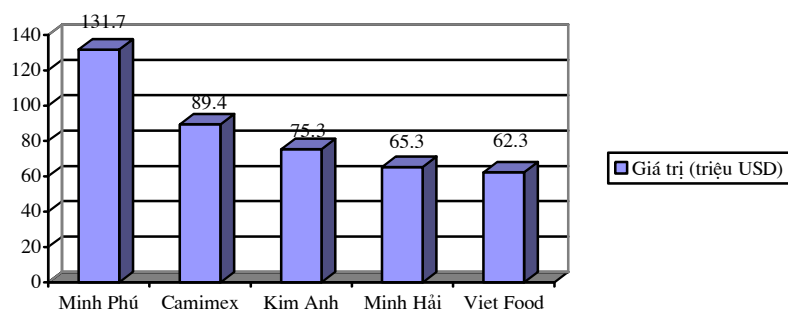
Công ty đã xây dựng được một mạng lưới khách hàng rộng lớn trên toàn thế giới. Tại thị trường Mỹ, các khách hàng quen thuộc của Công ty là Censea Inc., Eastern Fish, Berdex, H&N Food, Pacific Coral, Fishery Product International v.v..., tại thị trường Canada: FPI, Export Packer, Calkin, Ocean To Ocean v.v..., tại thị trường Úc: Markwell, Censea, PFD v.v..., tại thị trường Nhật: Hanwa Osaka, Maruha, Cralay, Daiei Taigen v.v..., tại thị trường EU: Nortrade, Binc, Icelandic, Amoje, Balimoon v.v...



Sản phẩm của công ty chủ yếu phục vụ xuất khẩu, phần dành cho tiêu dùng trong nước không đáng kể

Hiện nay, Minh Phú là công ty đang dẫn đầu cả nước về kim ngạch và sản lượng xuất khẩu thủy sản so với cả nước. Trong ba năm liên tục 2004 – 2006, Minh Phú đã dẫn đầu và có kim ngạch xuất khẩu vượt khá xa so với các công ty xếp sau.

Hình 6: Biểu đồ 5 doanh nghiệp xuất khẩu tôm lớn nhất Việt Nam năm 2006



Nguồn: bản tin Thương mại thủy sản của Vasep số 6 - 2007 ra ngày 09/02/2007

Tại thị trường Mỹ

Thị trường Mỹ là thị trường tiêu thụ tôm trọng điểm của Việt Nam với tỷ trọng 29% tổng giá trị xuất khẩu. Trong năm 2005, Minh Phú xuất khẩu được 5.968,19 tấn tôm vào Mỹ, chiếm tới 14,4% tổng lượng tôm Việt Nam nhập khẩu vào Mỹ. Xuất khẩu tôm sang Mỹ năm 2006 đạt 422,921 triệu USD. Công ty Minh Phú đứng đầu về doanh số với 74,8 triệu USD, tương ứng với 6.080 tấn tôm.

Bảng 18: 20 DN xuất khẩu tôm lớn nhất sang Mỹ năm 2006

STT	DOANH NGHIỆP	SL (TẤN)	GT (US\$)
1	MINH PHU SEAFOOD CORP	6.080	74.803.578
2	CAMIMEX	4.644	62.493.540
3	STAPIMEX	2.409	31.682.977
4	SEA MINH HAI	2.407	31.304.781
5	PHUONG NAM CO	2.327	29.812.842
6	CADOVIMEX	1.877	26.238.069
7	MINH HAI JOSTOCO	1.763	20.924.555
8	SEAPRIMEXCO VIETNAM	1.690	20.842.984
9	NHA TRANG SEAFOODS	2.392	19.629.704
10	AMANDA FOODS (VIETNAM) LTD	1.440	17.582.959
11	FIMEX VN	1.300	16.692.565
12	VIETNAM FISHONE CO., LTD	1.274	16.211.100
13	NSS	1.055	10.804.047
14	Công ty TNHH Grobest Industrial (Việt Nam)	588	6.520.570
15	CUU LONG SEAPRO	515	6.295.857
16	VIMEX	593	5.475.999
17	UTXI CO., LTD	325	3.592.660
18	CASEAMEX	404	3.084.884
19	SEAPRODEX DA NANG	223	2.670.623
20	COFIDEC	249	2.238.937

Nguồn : vasep.com.vn

Hiện nay ở Việt Nam, Minh Phú là công ty duy nhất có ký quỹ để xuất hàng theo hình thức DDP vào Mỹ thông qua Công ty Mseafod. Các doanh nghiệp khác phải xuất theo hình thức CF khó tiêu thụ sản phẩm với số lượng lớn do nhà nhập khẩu sợ rủi ro khi thuế suất bán phá giá tăng. Đặc biệt, thị trường Mỹ gần như đóng cửa với các doanh nghiệp xuất khẩu tôm mới với mức thuế phá giá 25,76%.

Tại thị trường Nhật Bản

Năm 2006, xuất khẩu tôm sang Nhật Bản đạt 581,195 triệu USD, chiếm 39,8% tỷ trọng giá trị xuất khẩu. Vietfoods Co., Ltd vẫn là doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tại thị trường này. Công ty Kim Anh đứng ở vị trí thứ 2, sau đó là Út Xi và Fimex VN. Minh Phú đứng vị trí thứ 5 tại thị trường này.

Bảng 19: 10 DN xuất khẩu tôm lớn nhất sang Nhật Bản năm 2006

STT	DOANH NGHIỆP	SL (TẤN)	GT (US\$)
1	VIET FOODS CO., LTD	5.044	59.828.294
2	KIM ANH CO., LTD	3.968	38.799.136
3	UTXI CO., LTD	3.613	34.816.131
4	FIMEX VN	3.305	33.033.583
5	MINH PHU SEAFOOD CORP	1.961	22.554.120
6	QUOC VIET CO., LTD	2.108	21.845.239
7	PHUONG NAM CO	2.031	20.875.138
8	SEA MINH HAI	1.910	20.643.545
9	CAFATEX CORP	1.695	20.595.297
10	SEAPRIMEXCO VIETNAM	2.421	17.516.381

Nguồn : vasep.com.vn

Tại các thị trường khác

Tại các thị trường khác như thị trường châu Âu, Úc, Canada, Minh Phú luôn giữ vị trí một trong 10 công ty xuất khẩu tôm hàng đầu của Việt Nam

Bảng 20 : 10 DN xuất khẩu tôm lớn nhất sang Úc năm 2006

STT	DOANH NGHIỆP	SL (TẤN)	GT (US\$)
1	MINH PHU SEAFOOD CORP	1.114	12.237.906
2	KIM ANH CO., LTD	1.125	11.809.451
3	VIETNAM FISHONE CO., LTD	564	6.054.939
4	MINH HAI JOSTOCO	590	5.900.670
5	STAPIMEX	309	3.592.520
6	QUOC VIET CO., LTD	295	3.059.720
7	PHUONG NAM CO	217	2.436.449
8	CASEAMEX	228	2.218.946
9	AMANDA FOODS (VIETNAM) LTD	199	2.134.680
10	SEAPRIMEXCO VIETNAM	184	1.900.725

Nguồn : vasep.com.vn

Minh Phú là nhà xuất khẩu tôm đứng thứ 10 tại thị trường EU

Bảng 21: 10 DN xuất khẩu tôm nhiều nhất sang EU năm 2006

STT	DOANH NGHIỆP	SL (TẤN)	GT (US\$)
1	UTXI CO., LTD	1.801	14.189.300
2	AMANDA FOODS (VIETNAM) LTD	1.827	13.665.112
3	KIM ANH CO., LTD	1.752	12.711.638
4	Cty TNHH Grobest Industrial (Việt Nam)	2.103	11.909.737
5	CUU LONG SEAPRO	1.315	10.152.051
6	MINH HAI JOSTOCO	1.043	9.315.885
7	Cty TNHH Trúc An	994	9.015.338
8	CAFATEX CORP	1.142	7.825.420
9	PHUONG NAM CO	677	6.108.410
10	MINH PHU SEAFOOD CORP	631	5.857.576

Nguồn : vasep.com.vn

Khối lượng tôm xuất khẩu sang Trung Quốc-Hồng Kông trong năm 2006 đạt 4.275 tấn, trị giá 34,496 triệu USD, tăng 7,8% về khối lượng và 19% về giá trị. Trong số 76 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường này, công ty CP Chế biến và Xuất nhập khẩu thủy sản Thanh Đoàn có kim ngạch xuất khẩu cao nhất, tiếp đến là Minh Phú, Camimex và Seanamico.

Với chiến lược mở rộng sản xuất - mở rộng thị trường, Minh Phú dự kiến đến năm 2010 sẽ tăng gấp đôi về sản lượng và kim ngạch. Hiện nay Minh Phú đã xây dựng nhà máy mới chuyên sản xuất các mặt hàng cao cấp và triển khai dự án nuôi tôm, từ con giống đến tôm thương phẩm để có thể chủ động được nguồn cung cấp nguyên liệu. Song song với kế hoạch đó, Minh Phú cũng đã xúc tiến mở rộng thị trường mới và củng cố phát triển thị trường cũ, đối tượng khách hàng chính là các tập đoàn phân phối lớn trên thị trường thế giới.

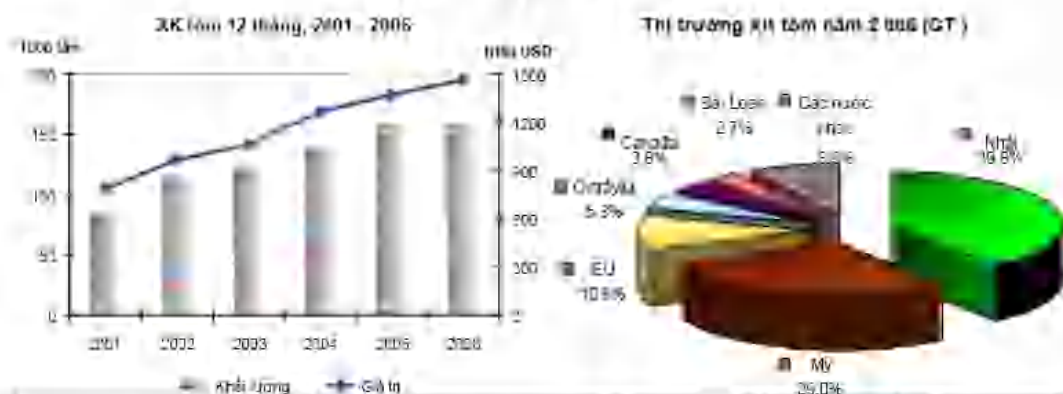
b. Triển vọng phát triển của ngành

Triển vọng thị trường

Ngành thủy sản Việt Nam là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước, có tốc độ tăng trưởng cao và doanh số lớn. Hiện tổng sản phẩm thủy sản chiếm 21% trong cơ cấu ngành nông-lâm-ngư nghiệp và hơn 4% GDP trong nền kinh tế quốc dân. Năm 2006, giá trị xuất khẩu thủy sản chính ngạch của cả nước đạt 3,348 tỷ USD, tăng 22,2% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó các thị trường chủ lực đều tăng như Nhật Bản tăng 3,6%, Mỹ tăng 4,8%, EU tăng 65,7%. Thị trường Nga vẫn giữ mức tăng trưởng cao 275,9% đạt 126,393 triệu USD. Xuất khẩu tôm tăng 6,5% so với năm 2005 đạt 1,46 tỷ USD.

XUẤT KHẨU TÔM NĂM 2006

Nguồn: Hải quan Việt Nam

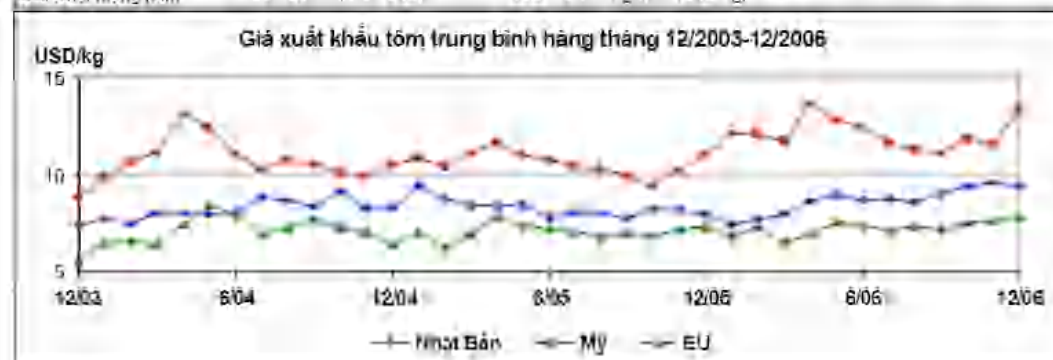


THỊ TRƯỜNG	XK trong tháng 12/2006						XK 12 tháng năm 2006					
	Tháng 12/2006		Cộng kỳ 2005 (%)		Giá trung bình		1/1-31/12/2006				Cộng kỳ 2005 (%)	
	KL	GT	KL	GT	2006	2005	KL	GT	%KL	%GT	KL	GT
Nhật	4,137	38,588	-11,1	3,5	9,33	7,92	66,164	581,195	41,8	39,8	-1,0	5,7
Mỹ	2,360	31,686	-36,8	-33,2	13,43	11,06	35,414	422,921	22,4	29,0	-14,5	-2,0
EU	1,154	9,054	57,5	68,3	7,85	7,34	21,265	154,302	13,4	10,6	20,0	23,3
Đức	558	3,891	111,7	134,6	6,56	7,54	9,362	34,393	5,8	5,4	19,0	35,9
Bỉ	173	0,843	55,2	53,4	7,69	7,59	3,307	25,297	2,1	2,7	-5,6	-2,8
Ôxtrêlîa	551	5,154	-1,9	14,6	9,35	8,01	8,584	76,745	5,4	5,3	17,4	36,6
Canada	353	4,233	2,2	28,0	12,05	9,62	5,279	55,621	3,3	3,8	7,8	16,8
Đài Loan	187	1,386	-66,5	-68,7	7,44	7,91	5,818	39,392	3,7	2,7	-19,1	-25,3
Hàn Quốc	542	4,066	31,1	-46,8	6,71	6,71	5,131	37,558	3,2	2,6	57,2	70,5
Trung Quốc	330	2,818	-13,2	-0,5	8,54	7,44	4,275	34,496	2,7	2,4	7,8	10,0
Hồng Kông	196	1,050	-31,3	-39,4	5,53	6,22	2,880	25,541	1,8	2,6	12,4	20,8
ASEAN	153	1,368	52,5	61,8	8,97	8,45	2,414	22,058	1,5	1,5	-23,6	-20,3
Malaysia	56	0,566	315,7	290,2	10,07	12,67	1,014	11,303	0,6	0,6	0,5	2,3
Nhìngon	73	0,653	-3,7	5,2	8,74	7,76	933	7,126	0,6	0,5	-25,0	-30,5
Taipei	124	1,412	166,4	128,0	11,38	13,29	1,452	15,178	0,9	1,0	0,0	7,9
Các nước khác	235	1,037	99,3	89,2	8,25	8,69	3,650	21,713	2,3	1,4	37,4	46,3
Tổng	10,123	101,703	-13,4	-2,4	10,05	8,91	158,447	1,460,586	100	100	-0,5	6,5

KL: Khối lượng (tấn)

GT: Giá trị (trên USD)

GTB: Giá trung bình (USD/kg)



Bảng 22: Danh sách các nước nhập khẩu tôm lớn nhất vào Mỹ năm 2005 và 2006

Nhập khẩu tôm vào Mỹ năm 2006/2005, (tấn)				
Xuất xứ	Năm 2006	Năm 2005	Tăng, giảm 06/05	Thị phần 2006
Thái Lan	193.764	160.892	20,4%	30,4%
Trung Quốc	68.150	45.205	50,8%	8,5%
Việt Nam	37.078	42.949	-13,7%	8,1%
Ấn Độ	27.277	35.699	-23,6%	6,8%
Êcuado	59.363	49.574	19,7%	9,4%
Indônêxia	58.729	52.641	11,6%	10,0%
Guyana	7.786	8.600	-9,5%	1,6%
Mêhicô	35.378	28.095	25,9%	5,3%
Honđurát	9.311	10.508	-11,4%	2,0%
Panama	4.662	5.928	-21,4%	1,1%
Vênedzuêla	9.856	11.365	-13,3%	2,1%
Malaixia	20.349	17.191	18,4%	3,3%
Pêru	5.295	4.465	18,6%	0,8%
Canada	7.050	7.712	-8,6%	1,5%
Bănglăđét	19.442	15.862	22,6%	3,0%
Các nước #	26.089	32.150	-18,9%	6,1%
Tổng	590.299	528.836	11,6%	100%

(Theo Bản tin thương mại Thủy sản của Vasep số 8-2007 ra ngày 02/03/2007)

Bảng 23: Danh sách các nước nhập khẩu tôm lớn nhất vào Nhật Bản năm 2006

Nhập khẩu tôm đông lạnh vào Nhật, 2006						
Xuất xứ	T12/2006			2006		
	KL (kg)	GT (nghìn yên)	Giá (yên/kg)	KL (kg)	GT (nghìn yên)	Giá (yên/kg)
Việt Nam	4.207.089	4.861.310	1.156	51.132.789	52.111.218	1.019
Indônêxia	3.653.019	4.178.743	1.144	43.664.812	46.006.149	1.054
Ấn Độ	2.360.019	2.498.934	1.059	28.546.065	26.069.274	913
Trung Quốc	3.313.369	2.845.374	859	22.809.718	18.449.547	809
Thái Lan	1.821.194	1.673.491	919	20.097.324	18.204.296	906
Nga	1.348.811	1.365.794	1.013	9.517.883	9.651.252	1.014
Mianma	800.232	817.683	1.022	8.846.878	8.393.684	949
Canada	471.270	408.349	866	8.664.901	8.196.216	946
Philippin	529.147	592.817	1.120	5.332.055	5.845.606	1.096
Bănglăđét	369.770	301.101	814	4.000.581	2.531.860	633
Ăchentina	1.337.478	1.468.645	1.098	3.366.033	4.083.360	1.213
Oxtrâyli	423.378	752.745	1.778	3.153.534	5.295.973	1.679
Sri Lanka	124.742	159.924	1.282	1.328.869	1.553.433	1.169
Các nước #	1.938.417	2.287.438	1.180	19.490.959	20.810.062	1.068
Tổng	22.697.935	24.212.348	1.067	229.952.401	227.201.930	988

(Theo Bản tin thương mại Thủy sản của Vasep số 7-2007 ra ngày 16/02/2007)

Bên cạnh những thuận lợi từ nhu cầu tôm lớn của thế giới, các doanh nghiệp xuất khẩu tôm đang ngày càng gặp nhiều khó khăn từ các rào cản kỹ thuật và hàng rào thuế quan do các nước nhập khẩu dựng lên như các chỉ tiêu kiểm tra dư lượng kháng sinh và hoá chất: Cloramphenicol, Nutrefuram, Fluronoquilon, Green Malechit, thuốc trừ sâu..., thuế phá giá

Đối thủ cạnh tranh*Trong nước*

- *Cạnh tranh về nguồn nguyên liệu* : Các công ty trên địa bàn tỉnh Cà Mau là những công ty cạnh tranh trực tiếp với Công ty Minh Phú như Camimex, Minh Hải Jostoco, Phú Cường, Cadovimex v.v.. . Mặc dù vậy, hầu hết các công ty thủy sản trên địa bàn Cà Mau đã hình thành và hoạt động lâu năm trong ngành nên đều có một mạng lưới cung cấp nguyên liệu khá ổn định, do đó tính cạnh tranh chỉ mang tính thời vụ và không gây khó khăn cho doanh nghiệp.
- *Cạnh tranh về thị trường tiêu thụ* : Đối thủ cạnh tranh của Công ty là tất cả các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài cùng sản xuất và xuất khẩu tôm. Bên cạnh các công ty trong tỉnh Cà Mau, đối thủ cạnh tranh trong nước của Công ty là Fimex, Phương Nam, Kim Anh, Cafatex v.v... Các công ty trên đều là các công ty có cùng cơ cấu mặt hàng và thị trường và đều hoạt động lâu năm trong ngành thủy sản.

Thế giới

- Trước đây, các đối thủ cạnh tranh chính của Minh Phú trên thị trường là các công ty xuất khẩu của Thái Lan, nhưng gần đây do Thái Lan đã chuyển sang mặt hàng chủ lực là tôm thẻ chân trắng, tập trung size nhỏ nên sự cạnh tranh trực tiếp được giảm thiểu. Hiện nay các đối thủ cạnh tranh vẫn là các nhà xuất khẩu từ các nước như Thái Lan, Ấn Độ, Banglades, Trung Quốc v.v... Nhưng nhờ chất lượng và khả năng cung cấp của Minh Phú đã được khẳng định trên thị trường nên Minh Phú vẫn là ưu tiên số một khi các nhà nhập khẩu chọn lựa nhà cung cấp cho mình.
 - Nhìn chung, do thị trường tiêu thụ lớn nên tình hình cạnh tranh giữa các công ty hoạt động trong lĩnh vực này là không nhiều.
- c. *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới*

Định hướng phát triển mở rộng nhà máy chế biến và chủ động nguồn nguyên vật liệu của Công ty cổ phần Thủy hải sản Minh Phú là hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển của ngành thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 10/2006/QĐ-TTg ngày 11 tháng 1 năm 2006 phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, mục tiêu của Chính phủ là xây dựng ngành thủy sản thành một ngành sản xuất

hàng hoá lớn, có sức cạnh tranh cao, có kim ngạch xuất khẩu lớn, có khả năng tự đầu tư phát triển, góp phần đáng kể vào việc phát triển kinh tế xã hội của đất nước, nhất là các vùng ven biển, hải đảo. Mục tiêu cụ thể đề ra là tốc độ tăng trưởng sản lượng bình quân thời kỳ 2006 – 2010 là 3,8%/năm, đạt 3,5 – 4 triệu tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 2 triệu tấn, sản lượng khai thác hải sản đạt 1,5 – 1,8 triệu tấn, sản lượng khai thác nội địa đạt 0,2 triệu tấn. Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản tăng bình quân 10,63%/năm, đạt 4 tỷ USD vào năm 2010.

Mục tiêu đến năm 2010, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 2 triệu tấn, diện tích nuôi trồng thủy sản được mở rộng tới 1,1 – 1,4 triệu ha. Trong lĩnh vực chế biến thủy sản, ngành chủ trương nâng cấp đồng bộ về cơ sở hạ tầng, đổi mới công nghệ, đổi mới trang thiết bị các cơ sở chế biến thủy sản hiện có và phát triển thêm để nâng tổng công suất cấp đông lên 3.500 – 4.000 tấn/ngày vào năm 2010, phấn đấu tới năm 2010, các cơ sở chế biến thủy sản theo phương thức công nghiệp đều đạt tiêu chuẩn ngành về điều kiện an toàn vệ sinh và thú y thủy sản. Tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, ngành tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản trên tất cả các loại mặt nước, đặc biệt nuôi tôm, cá tra, ba sa, sò huyết v.v..., nâng cấp các nhà máy chế biến hiện có và phát triển thêm một số nhà máy.

d. Chiến lược phát triển

Chiến lược chung:

- Xây dựng nhóm Công ty Minh Phú thành tập đoàn theo mô hình công ty mẹ-công ty con
- Hoàn thiện quy trình sản xuất khép kín từ khâu tôm giống đến nuôi tôm, chế biến và tiêu thụ tôm thành phẩm trong nhóm Công ty Minh Phú thông qua việc ưu tiên nghiên cứu phát triển tôm giống và hoạt động nuôi tôm. Mở rộng hoạt động chế biến để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.
- Đa dạng hoá và mở rộng thị trường tiêu thụ để giảm thiểu rủi ro do các rào cản thương mại và phi thương mại tại từng thị trường.
- Đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động thông qua việc mở rộng sang lĩnh vực nuôi trồng chế biến cá...

Chiến lược tập đoàn

Công ty định hướng xây dựng Minh Phú thành tập đoàn thủy sản hàng đầu với 01 công ty mẹ Minh Phú và hệ thống các công ty con trong đó có Mseafood. Các công ty trong tập

đoàn được tổ chức chuyên môn hoá cho từng công đoạn: giống, nguyên liệu, sản phẩm (block, sản phẩm IQF, các sản phẩm giá trị gia tăng khác) và phân phối.

Chiến lược nguồn nguyên liệu

Mục tiêu của Công ty là xây dựng được một quy trình sản xuất khép kín từ khâu tôm giống đến nuôi tôm, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo được chất lượng sản phẩm xuất khẩu. Trong thời kỳ 2007 – 2008, việc nghiên cứu công đoạn tôm giống và nuôi tôm là ưu tiên hàng đầu của Công ty, nhằm đáp ứng được nhu cầu nội bộ của các Công ty con trong nhóm Công ty Minh Phú.

Công ty đã thành lập Công ty TNHH giống thủy sản Minh Phú tại Ninh Thuận để triển khai Dự án tôm giống Ninh Thuận. Nguồn tôm giống ở Ninh Thuận được cung cấp cho các lâm ngư trường của Minh Phú, Minh Phát, Minh Quý, Minh Phú – Kiên Giang.

Chiến lược chế biến sản phẩm

Công ty dự kiến sẽ xây dựng 01 nhà máy chế biến cá ở Hậu Giang với công suất 84.000 tấn/năm trong những năm tới để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường và để đa dạng hóa sản phẩm của Công ty.

Chiến lược thị trường

Từ trước tới nay, thị trường Mỹ luôn là thị trường trọng điểm của Công ty. Sau khi các rào cản thương mại được dựng lên tại nước này, Công ty có định hướng chuyển dịch dần thị trường tiêu thụ sang các quốc gia khác, giảm dần tỷ trọng hàng xuất khẩu vào Mỹ để giảm thiểu rủi ro.

- Thị trường Mỹ: dự kiến tỷ trọng hàng xuất khẩu vào Mỹ sẽ giảm xuống dưới 60% tổng sản lượng của Công ty. Tại thị trường này, Công ty chỉ tập trung xuất khẩu tôm cỡ lớn theo hình thức trực tiếp theo giá DDP hoặc ký gửi cho các nhà cung cấp lớn, có uy tín. Trong tương lai, Công ty dự định sẽ phân phối sản phẩm trực tiếp tới các siêu thị trên nước Mỹ.
- Thị trường Nhật Bản: dự kiến thị trường này sẽ tiêu thụ khoảng 20% tổng sản lượng của Công ty. Hiện nay Nhà máy Minh Phát đang chuẩn bị đi vào hoạt động, các sản phẩm giá trị gia tăng của Nhà máy sẽ chủ yếu phục vụ khách hàng Nhật Bản

- Thị trường EU: Công ty dự định sẽ phát triển mạnh ở thị trường này, hướng tới mục tiêu 20% tổng sản lượng của Công ty cung cấp cho thị trường. Hiện nay Công ty đang tích cực tìm kiếm các khách hàng mới trong EU
- Thị trường Australia và New Zealand: đây là hai thị trường mới của Công ty, có tốc độ phát triển khá nhanh và được đánh giá là thị trường tiềm năng.
- Bên cạnh các thị trường đã khai thác, Công ty hiện đang xúc tiến tiếp cận thị trường Đông Âu, thị trường Trung Đông và Trung Quốc.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Tổng số cán bộ công nhân viên của nhóm Công ty Minh Phú là 2.340 người với cơ cấu như sau:

Bảng 24: Cơ cấu lao động tại thời điểm 01/06/2007

Đơn vị: người

Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ
Lao động trực tiếp	2088	89,2
1. Đại học	53	2,3
2. Cao đẳng	12	0,51
3. Trung cấp	53	2,26
4. Lao động phổ thông	1970	84,19
Lao động gián tiếp	252	10,77
1. Tiến sĩ	3	0,13
2. Thạc sĩ	2	0,09
3. Cán bộ quản lý	35	1,50
4. Đại học	66	2,82
5. Cao đẳng	6	0,26
6. Trung cấp	16	0,68
7. Nhân viên	117	5,00
8. Phục vụ (lái xe, vệ sinh, bảo vệ)	7	0,30
Tổng cộng	2340	100,00

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

9.2. Các chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

Người lao động trong Công ty Minh Phú đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định.

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Bộ phận văn phòng và bộ phận sửa chữa làm việc theo giờ hành chính. Riêng tại bộ phận vận hành máy làm việc 3 ca/ngày, mỗi ca 8 tiếng. Bộ phận bảo vệ và IQF trực ca không quá 12giờ/ngày.

Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ theo đúng Luật lao động, làm thêm không quá 200 giờ trong 1 năm, lương ngoài giờ được trả từ 150% đến 200% mức lương làm việc thông thường.

Trường hợp tôm nguyên liệu nhiều cần giải phóng mặt bằng, không để ứ đọng, ban lãnh đạo có thể thỏa thuận với chủ tịch công đoàn sắp xếp cho người lao động tiếp tục làm việc và bố trí nghỉ vào những ngày khác.

Công ty thực hiện đúng chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ theo quy định. Bên cạnh đó, công ty còn tạo điều kiện cho nhân viên nghỉ dài hơn nếu có nhu cầu.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Quy trình tuyển dụng của Công ty bắt nguồn từ nhu cầu của các bộ phận, giám đốc bộ phận phê duyệt các chỉ tiêu tuyển dụng và chuyển lên cho Phòng tổ chức tổng hợp và tổ chức tuyển dụng. Công ty rất coi trọng chính sách thăng tiến nội bộ để bù đắp những khó khăn trong tuyển dụng nhân sự cấp cao trong địa bàn tỉnh.

Hàng năm, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nội bộ, đào tạo ngoài theo yêu cầu của các bộ phận và đề nghị của Giám đốc Nhân sự. Kinh phí đào tạo được cung cấp theo yêu cầu đào tạo hàng năm.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty trả lương dựa trên đơn giá tiền lương do Công ty xây dựng, trên cơ sở tham khảo mặt bằng lương các đơn vị xung quanh. Công ty trả lương theo cơ chế khoán sản phẩm theo sản lượng sản xuất.

Hàng năm, công ty tổ chức bình xét khen thưởng A, B theo tiêu chí ngày công, năng suất, hiệu quả và bình xét đề nghị UBND tỉnh, bộ Thủy sản tặng bằng khen cho tập thể và cá nhân

Các khoản phúc lợi được trích xây nhà tập thể bán theo giá ưu đãi tùy theo chức vụ và thâm niên, ngoài ra Công ty còn xây nhà ăn và phục vụ công nhân 1 bữa ăn miễn phí.

10. Chính sách cổ tức

Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty dựa trên mức đề xuất của Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Tỷ lệ cổ tức trong năm 2006 của Công ty là 10%, và trong thời kỳ 2007-2009, tỷ lệ cổ tức hàng năm của Công ty dự kiến sẽ là 25%.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/06/2006 đến ngày 31/12/2006, là năm tài chính đầu tiên của Tập đoàn và của Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán hiện hành; Công ty sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam.

Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm

- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn 4 - 8 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 3 - 10 năm

Mức thu nhập bình quân

Bộ phận bảo vệ hưởng lương cố định, các bộ phận còn lại hưởng lương theo quy chế khoán sản phẩm hiện hành của Công ty. Mức thu nhập bình quân năm 2005 và năm 2006 của cán bộ công nhân viên Minh Phú tương ứng là 1.600.000 đồng và 2.000.000 đồng/tháng

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay của công ty

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Nhà nước.

Trích lập các quỹ

Trong giai đoạn Công ty Minh Phú hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH, hàng năm Công ty trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ phát triển kinh doanh: 5% lợi nhuận sau thuế nhưng tổng số không vượt quá 10% vốn điều lệ.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 2% lợi nhuận sau thuế nhưng tổng số không vượt quá 5% vốn điều lệ

Sau khi Công ty Minh Phú chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, hàng năm, Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: không vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và sẽ chỉ được tiếp tục trích nộp tới một giới hạn tích lũy bằng 10% vốn Điều lệ của Công ty.
- Các quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Dư nợ vay ngân hàng

Tại thời điểm 31/12/2006, tình hình nợ vay của nhóm Công ty như sau:

Bảng 25: Tình hình nợ vay của nhóm Công ty Minh Phú

Loại hình vay	31/12/2006
Vay ngắn hạn	234.985.305.000
Vay dài hạn	2.700.000.000

Nguồn: Báo cáo tài chính có kiểm toán Công ty Minh Phú, Minh Quý, Minh Phát năm 2005 và Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty Minh Phú năm 2006

Bảng 26: Nguồn nợ vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2006

Ngân Hàng	Hạn mức (VND)	Hạn mức (USD)	Lãi suất VND (%)	Lãi suất USD (%)	Dư nợ tại 31/12/2006 qui ra VND
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng Công thương Cà Mau	67,000,000,000	7,000,000	0.88/tháng	6.5/năm	95,785,305,000
Ngân hàng Ngoại thương Cà Mau	100,000,000,000	6,250,000	0.88/tháng	6.5/năm	75,200,000,000
Quỹ Hỗ trợ Phát triển Cà Mau					
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Cà Mau					
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	180,000,000,000	-	0.88/tháng	6.5/năm	64,000,000,000
Vay khác					
Tổng					234,985,305,000

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất có kiểm toán Công ty Minh Phú

Bảng 27: Nguồn nợ vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2006

Ngân hàng	Hạn mức (VND)	Lãi suất (%)	Dư nợ tại 31/12/2006 (VND)
Quỹ Hỗ trợ Phát triển Cà Mau	36.000.000.000	5,4%/năm	2.700.000.000
Tổng	36.000.000.000		2.700.000.000

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất có kiểm toán Công ty Minh Phú

Khoản vay ngắn hạn được sử dụng phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của công ty, chủ yếu để vay mua nguyên liệu, khoản vay dài hạn được sử dụng để tài trợ cho việc xây dựng nhà máy Minh Phát.

Tình hình công nợ

- Các khoản phải thu:

Bảng 28: Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	31/12/2005	31/12/2006	% tăng giảm
Minh Phú			
Phải thu của khách hàng	440.634.547.337	421.854.890.212	-4,26%
Trả trước cho người bán	7.860.138.793	2.993.458.775	-61,92%
Tạm ứng	417.305.499	48.100.000	-88,47%
Phải thu khác	14.814.228.294	10.238.372.914	-30,89%
Tổng	463.726.219.923	435.134.821.901	-6,17%
Nhóm công ty Minh Phú⁹			
Phải thu của khách hàng	1.227.697.290.327	639.950.541.245	-47,87%
Trả trước cho người bán	9.503.838.143	15.030.217.461	58,15%
Tạm ứng	35.417.305.499	78.100.000	-99,78%
Phải thu khác	17.862.703.494	10.302.456.442	-42,32%
Tổng	1.290.481.137.463	665.361.315.148	-48,44%

Nguồn: Báo cáo tài chính có kiểm toán năm 2005 của các Công ty Minh Phú,

Minh Quý, Minh Phát và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2006 của Công ty Minh Phú

Phải thu khách hàng là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn, chiếm 95,1% các khoản phải thu trong năm 2005 và 96,2% trong năm 2006 do Minh Phú áp dụng hình thức bán hàng ký gửi tại thị trường Mỹ thông qua Mseafood, thời gian thu tiền thường là 4-5 tháng. Mseafood là kênh phân phối duy nhất của nhóm Minh Phú vào thị trường Mỹ, Mseafood chỉ thanh toán tiền cho Minh Phú, Minh Quý, Minh Phát khi khách hàng trả tiền Mseafood.

⁹ Các chỉ tiêu của nhóm Công ty Minh Phú được tính bằng cách cộng đơn thuần các khoản mục tương ứng của Minh Phú, Minh Phát, Minh Quý.

- Các khoản phải trả:

Bảng 29: Các khoản phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2005	31/12/2006	% tăng giảm
Minh Phú			
Phải trả cho người bán	6.298.265.841	24.736.196.993	292,75%
Người mua trả tiền trước	1.970.040.426	43.929.988.350	2.129,9%
Thuế và các khoản phải nộp	1.430.234.682	971.206.803	-32,09%
Phải trả công nhân viên	1.748.542.025	2.033.123.490	16,28%
Chi phí phải trả	100.298.950	294.919.700	194,04%
Phải trả phải nộp khác	104.549.332	19.640.093.609	18.685,48%
Tổng	11.651.931.256	91.605.528.945	686,18%
Nhóm công ty Minh Phú¹⁰			
Phải trả cho người bán	390.395.970.714	19.530.404.022	-95%
Người mua trả tiền trước	1.970.040.426	3.846.264.395	95,24%
Thuế và các khoản phải nộp	3.192.055.322	1.465.775.308	-54,08%
Phải trả công nhân viên	3.995.485.904	4.919.495.319	23,13%
Chi phí phải trả	248.681.640	392.569.700	57,86%
Phải trả phải nộp khác	4.593.108.626	44.138.602.468	860,97%
Tổng	404.395.342.632	74.293.111.212	-81,63%

Nguồn: Báo cáo tài chính có kiểm toán năm 2005 của các Công ty Minh Phú,

Minh Quý, Minh Phát và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2006 của Công ty Minh Phú

¹⁰ Các chỉ tiêu của nhóm Công ty Minh Phú được tính bằng cách cộng đơn thuần các khoản mục tương ứng của Minh Phú, Minh Phát, Minh Quý.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Bảng 30:** Các chỉ tiêu tài chính của nhóm Công ty Minh Phú

CHỈ TIÊU	2005	2006
CÔNG TY MINH PHÚ		
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,59	1,91
- Hệ số thanh toán nhanh = (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,43	1,7
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,57	0,3
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,36	0,43
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	47,38	30,09
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	4,06	1,99
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,02
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,22	0,06
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,09	0,04
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,02	0,02
NHÓM CÔNG TY MINH PHÚ¹¹		
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSLĐ/Nợ ngắn hạn	-	2,74
- Hệ số thanh toán nhanh = (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	-	2,29
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	-	0,32
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	-	0,5
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	-	8,62
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	-	1,31
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		

¹¹ Trong năm 2005, Nhóm công ty Minh Phú là các công ty độc lập không liên quan tới nhau về vốn nên không có báo cáo tài chính hợp nhất

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	0,06
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-	0,11
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-	0,07
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	-	0,06

Nguồn: Báo cáo tài chính có kiểm toán năm 2005, 2006 của Công ty Minh Phú,

và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2006 của Công ty Minh Phú

Nhìn chung, với tài sản lưu động khá lớn so với nợ ngắn hạn, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của nhóm Công ty Minh phú khá tốt. Nhóm Công ty Minh Phú sử dụng không nhiều vốn vay với hệ số nợ/tổng tài sản trong năm 2006 là 0,32. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi được tính dựa trên lợi nhuận trong 07 tháng cuối năm 2006 do bắt đầu từ 01/06/2006, Nhóm Công ty Minh phú mới tiến hành chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Danh sách Hội đồng quản trị

12.1.1. Ông Lê Văn Quang - Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú; Chủ tịch HĐQT Công ty CP chế biến thủy sản Minh Phát, Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang, Công ty Cổ phần sản xuất giống thủy sản Minh Phú
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/10/1958
- Số CMND: 024038687
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản
- Quá trình công tác:
 - 1981 - 1983: Cán bộ kỹ thuật sở thủy sản Minh Hải.

- 1983 - 1986: Phó phòng thu mua Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải
- 1986 - 1988: Quản đốc phân xưởng Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải
- 1992 - 2003: Chủ doanh nghiệp tư nhân Minh Phú.
- 2003 – 2006: Tổng giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Phú.

- Số cổ phần nắm giữ: 15.961.000

- Tỷ lệ: 22,80

Trong đó

Đại diện pháp nhân 0

Cá nhân 15.961.000

- Những người có liên quan: Vợ: Chu Thị Bình (*xem mục 12.1.2*)

Con gái: Lê Thị Diệu Minh, số cổ phần: 6.600.000 Tỷ lệ: 9,43%

Em trai: Lê Văn Điệp, số cổ phần 1.965.445 Tỷ lệ 2,81%

- Các khoản nợ đối với công ty Không

- Thù lao và các lợi ích khác 5.000.000 đồng/tháng (Thù lao thành viên HĐQT)

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết Không

12.1.2. Bà Chu Thị Bình - Ủy viên HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú; Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 1964
- Số CMND 380658194
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp
- Quá trình công tác:
 - 1981 – 1995: Nhân viên thu mua, Kế toán Công ty Chế biến Thủy sản Cà Mau
 - 1996 – 1997: Phó giám đốc Xí nghiệp Hợp tác
 - 1998 – nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Minh Phú, Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý
- Số cổ phần nắm giữ: 15.959.400
- Tỷ lệ: 22,80
- Những người có liên quan:

Chồng: Lê Văn Quang (xem mục **12.1.1**)

Con gái: Lê Thị Diệu Minh, số cổ phần: 6.600.000 Tỷ lệ: 9,43%

Anh: Chu Văn An (xem mục **12.1.3**)
- Các khoản nợ đối với công ty Không
- Thù lao và các lợi ích khác 5.000.000 đồng/tháng (Thù lao thành viên HĐQT)
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết Không

12.1.3 Ông Chu Văn An - Ủy viên HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó tổng Giám đốc phụ trách Hành chính Nhân sự Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú; Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Minh Phát, Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/05/1953
- Số CMND 381287588
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - 1997 - 1999: Trưởng ban quản lý Công trình.
 - 1999 - 2001: Trưởng phòng tổ chức, hành chính xí nghiệp Minh Phú.
 - 2002 - nay: Phó tổng Giám đốc phụ trách Nhân sự
- Số cổ phần nắm giữ: 1.109.400
- Tỷ lệ: 1,58%
- Trong đó*
- Đại diện pháp nhân 0
- Cá nhân 1.009.400
- Những người có liên quan:
 - Vợ: Nguyễn Kim Trọng, số cổ phần 17.166 Tỷ lệ 0,02%
 - Em: Chu Thị Bình (xem mục **12.1.2**)
- Các khoản nợ đối với công ty Không
- Thù lao và lợi ích khác 5.000.000 đồng/tháng (Thù lao thành viên HĐQT)
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết Không

12.1.4 Bà Đinh Ánh Tuyết - Ủy viên HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT
- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 22/09/1973
- Số CMND 011589899
- Trình độ văn hóa: Cử nhân luật (Đại học Luật Hà Nội), Thạc sỹ Luật (Đại học Tổng hợp Pittsburg, Hoa Kỳ), Thạc sỹ quản trị (Đại học Solvay, Đại học Tổng hợp Tự do Bruxel, Bỉ - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội)
- Trình độ chuyên môn: Luật sư, Đoàn luật sư Hà Nội
- Quá trình công tác: 1996-2001: Luật sư Hãng luật Vovan & Associates, Pháp
2003-2006: Luật sư trưởng, Văn phòng luật sư IDVN
Luật sư cao cấp Hãng luật Vilaf Hồng Đức
- Số cổ phần nắm giữ: 5000
- Tỷ lệ: 0.01%
- Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty Không
- Thù lao và các lợi ích khác 5.000.000 đồng/tháng (Thù lao thành viên HĐQT)
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết Không

12.1.5 Ông Nguyễn Quốc Toàn - Ủy viên HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT Công ty Minh Phú
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/04/1976
- Số CMND 111783569
- Trình độ văn hóa: Tiến sĩ Đại học Tổng hợp New York
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế/Tài chính
- Quá trình công tác: Chuyên viên kinh tế tài chính ADB tại Phillipine
Sáng lập viên Công ty TNHH Con đường mới
Sáng lập viên và giám đốc điều hành Công ty Cổ

phần EQuest

- Số cổ phần nắm giữ: 5000
- Tỷ lệ 0.01%

Trong đó

- Đại diện pháp nhân 0
- Cá nhân 5000
- Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty Không
- Thù lao và các lợi ích khác 5.000.000 đồng/tháng (Thù lao thành viên HĐQT)
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết Không

12.2 Danh sách Ban tổng giám đốc**12.2.1 Ông Lê Văn Quang - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú**

(xem tại mục 12.1.1)

12.2. Bà Chu Thị Bình - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

(xem tại mục 12.1.2)

12.2.3 Ông Chu Văn An- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

(xem tại mục 12.1.3)

12.2.4 Ông Thái Hoàng Hùng - Phó Tổng Giám đốc Công ty Minh Phú

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc phụ trách Kỹ thuật cơ điện lạnh Công ty
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1964
- Số CMND 381363372
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến Thủy sản

- Quá trình công tác:
 - 1982 - 1987: Học Đại học Thủy sản ở Nha Trang.
 - 1987 - 1991: Phó Giám Đốc Xí nghiệp đông lạnh Bạc Liêu.
 - 1992 - 1995: Trưởng phòng Máy công ty XNK Thủy sản Gia Rai Bạc Liêu
 - 1995 – 1998: Trưởng phòng Máy Công ty Liên doanh NIGICO
 - 1998 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Minh Phú

- Số cổ phần nắm giữ: 8166
- Tỷ lệ: 0.01%
- Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

12.2.5 Ông Nguyễn Tấn Anh - Phó Tổng Giám đốc Công ty Minh Phú

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 09/06/1974
- Số CMND: 225085667
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản
- Quá trình công tác:
 - 1997-1999: KCS Công ty chế biến thủy sản Minh Phú

○ 2000-2003: Trưởng phòng kinh doanh

○ 2003-2006: Giám đốc kinh doanh

2006-nay: Phó Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ:	7150
- Tỷ lệ:	0.01%
- Những người có liên quan:	Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Thù lao và các lợi ích khác	Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết	Không

12.3 Danh sách Ban kiểm soát

12.3.1 Phan Văn Dũng - Trưởng ban kiểm soát

- Chức vụ hiện tại:	Trưởng ban kiểm soát công ty Minh Phú
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	26/10/1960
- Số CMND	022306777
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:	1983-1991: Giảng viên Đại học tài chính kế toán thành phố Hồ Chí Minh 1985-1991: Kiêm nhiệm chuyên viên kế toán Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 1992-1997: Kế toán trưởng Công ty Đầu tư và phát triển Khu chế xuất Sài Gòn

1997-09/2004: Phó Giám đốc Công ty Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán Sài Gòn

10/2004-08/2006: Giám đốc điều hành Công ty Hợp danh kiểm toán và tư vấn tài chính kế toán SGN

09/2006 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Phan Dũng, Giảng viên Trường Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Marketing thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Dân lập Bình Dương; Trưởng ban kiểm soát Công ty Minh Phú

- Số cổ phần nắm giữ: 3110
- Tỷ lệ: 0.004%
- Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích khác: 2.000.000 VND/tháng (thù lao thành viên BKS)
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

12.3.2 Bà Mai Thị Hoàng Minh - Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/09/1965
- Số CMND: 023722354
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ
- Quá trình công tác: Năm 1987: Tốt nghiệp Đại học kinh tế chuyên ngành kiểm tra, kiểm soát các thông tin kinh tế thuộc trường Đại học Kinh tế Praha, Tiệp Khắc

Năm 1989- nay: làm giảng viên khoa kế toán trường Đại học Tài chính kế toán thành phố Hồ Chí Minh (nay là trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh)

Minh)

Năm 2001: Bảo vệ luận án tiến sĩ kinh tế tại trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

- Số cổ phần nắm giữ: 3000
- Tỷ lệ: 0.004%
- Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích khác: 2.000.000 VND/tháng (thù lao thành viên BKS)
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

12.3.3 Bà Nguyễn Việt Hồng - Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện tại: Kế toán Công ty Minh Phú
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/10/1968
- Số CMND: 381101446
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy sản
- Quá trình công tác:
 - 1993 – 1999 Kế toán công ty Camimex
 - 1999 – nay Kế toán tại Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Phú
- Số cổ phần nắm giữ: 7800
- Tỷ lệ: 0.01%
- Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích khác: 2.000.000 VND/tháng (thù lao thành viên BKS)

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không

12.4 Kế toán trưởng – Ông Lưu Minh Trung

Chức vụ hiện tại: kế toán trưởng Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú

Giới tính: Nam

Năm sinh: 08/06/1970

CMND: 361628755

Nơi sinh: Huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

Địa chỉ thường trú: 196 đường 19/05 khóm 1, phường 8, Thành Phố Cà Mau

Điện thoại liên lạc: (0780) 839391

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính.

Quá trình công tác:

- 1994 – 1999 Công tác tại Công ty Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu, Cà Mau
- 1999 – nay Kế toán tại Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Phú, Cà Mau

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Tỷ lệ: 0 %

Những người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Thù lao và các lợi ích khác: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức niêm yết: Không

13. Tài sản

Bảng 31: Một số tài sản chính của nhóm Công ty Minh Phú tại thời điểm 31/12/2006

STT	Tài sản	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND	Tỷ lệ còn lại %
Minh Phú				
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	15.753.968.993	9.824.817.512	62,36%
2	Máy móc thiết bị	32.287.971.067	12.961.275.567	40,14%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	616.449.793	413.544.708	67,08%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.383.094.876	2.152.415.830	63,62%
	Tổng cộng	52.041.484.729	25.352.053.617	48,72%
Nhóm Công ty Minh Phú				
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	26.126.937.654	16.682.621.817	63,85%
2	Máy móc thiết bị	95.984.379.871	47.513.334.561	49,5%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.173.501.344	2.933.722.513	92,44%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.554.268.006	2.270.648.947	63,89%
	Tổng cộng	128.839.086.875	69.400.327.838	53,87%

Nguồn: Báo cáo tài chính có kiểm toán của Công ty Minh Phú và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006

Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng của nhóm Công ty Minh Phú tại thời điểm 30/06/2007

- o Tổng diện tích đất đai: 2.403.201m², đều là diện tích đất giao

Bảng 32: Tình hình nhà xưởng đất đai của Công ty tại thời điểm 30/06/2007

Stt	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Thời điểm	Thời hạn (năm)	Loại hình
1	Khu Công nghiệp P8 TP Cà Mau tỉnh Cà Mau	23,201	1998	50	Giao
2	Ấp Càng, xã Hòa Điền, Kiên Lương, Kiên Giang	2,380,000	2006	50	Giao
3	Nhà máy chế biến	9000	1998	50	Giao

	Minh phát				
--	-----------	--	--	--	--

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

Hiện nay Minh Phú đã được tỉnh Cà Mau phê duyệt giao 1000 ha đất tại xã Tam Giang, huyện Ngọc Hiển, Cà Mau để sử dụng nuôi tôm nhưng hiện tại Minh Phú chưa sử dụng. Ngoài ra, tỉnh Cà Mau đang dự kiến giao thêm 2000 ha đất nữa cũng tại huyện Ngọc Hiển, Cà Mau cho Công ty.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 33: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong thời kỳ 2006-2009 của Nhóm Công ty Minh Phú

Chỉ tiêu	ĐVT	2007	2008		2009		2010	
			Giá trị	% tăng giảm so với 2007	Giá trị	% tăng giảm so với 2008	Giá trị	% tăng giảm so với 2009
1- Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ đồng	700	850	21,43	1.000	17,65	1.200	20,00
2- Sản lượng chế biến xuất khẩu	Tấn	15.000	16.800	12,00	46.800	178,57	76.800	64,10
3- Giá trị xuất khẩu	Triệu USD	150	180	20	255	41,67	330	29,41
4- Diện tích nuôi tôm	Ha	250	750	200	1.250	66,67	2.250	80,00
5- Diện tích nuôi cá	Ha		50		100	100,00	200	100,00
6- Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	2.406	2.905	20,74	4.107	41,38	5.311	29,32
7- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	227	340	49,78	500	47,06	780	56,00
8- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	213,67	317	48,36	459	44,79	731	59,26
9- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên DT	%	8,88	10,91	22,88	11,18	2,42	13,76	23,16
10- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn ĐL	%	30,52	37,29	22,18	45,90	23,08	60,92	32,72
11- Thu nhập BQ/CP	Đồng	3.052	3.729	22,18	4.590	23,09	6.092	32,72

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú

Thuế thu nhập

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Minh Phú được tạm tính theo thuế suất 20% của các công ty trong Nhóm Minh Phú, chưa tính đến phần miễn giảm thuế theo ưu đãi đầu tư và miễn giảm thuế cho xuất khẩu. Hiện nay, Công ty mẹ Minh Phú chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 20%. Công ty Minh Quý được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm tới, Công ty Minh Phát được miễn thuế 2 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm. Công ty giống thủy sản Minh Phú và Công ty thủy hải sản Minh Phú Kiên Giang được miễn thuế 3 năm và giảm 50% thuế trong 7 năm. Ngoài ra số thuế được miễn giảm còn phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu của các công ty.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của nhóm Công ty Minh Phú dự kiến như sau:

- Năm 2006: vốn điều lệ của Minh Phú là 600 tỷ đồng.
- Năm 2007: vốn điều lệ của Minh Phú là 700 tỷ đồng.
- Năm 2008: vốn điều lệ của Minh Phú là 850 tỷ đồng
- Năm 2009: vốn điều lệ của Minh Phú là 1.000 tỷ đồng
- Năm 2010, vốn điều lệ của Minh Phú là 1.200 tỷ đồng

Cổ tức

Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty dựa trên mức đề xuất của Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Tỷ lệ cổ tức trong năm 2006 của Công ty là 10%, và trong thời kỳ 2007-2009, tỷ lệ cổ tức hàng năm của Công ty dự kiến sẽ là 25%.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Đồng thời dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực của Công ty và mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành, SSI nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty có tính khả thi nếu không có những biến động ảnh

hường nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp. Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Hàng năm, do vụ kiện bán phá giá tôm vào thị trường Mỹ, Bộ thương mại Mỹ (DOC) sẽ xem xét lại mức thuế phá giá cho sản phẩm tôm nhập vào thị trường Mỹ của một số doanh nghiệp xuất khẩu tôm vào thị trường Mỹ của Việt Nam. Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú không nằm trong danh sách phải xem xét lại thuế phá giá trong năm 2006. Hiện nay, Công ty Minh Phú đang trong quá trình đàm phán thương lượng với các nguyên đơn về việc rút đơn kiện và chấp nhận mức thuế phá giá 4,38% không đổi.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán:

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá:

10.000 (mười nghìn đồng)/ 1 cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết:

70.000.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Cổ phiếu của cổ đông sáng lập: 30.000.000 cổ phiếu. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 12/05/2006.

Cổ phiếu của cổ đông chiến lược: 3.000.000 cổ phiếu. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 01 năm kể từ ngày phát hành 11/06/2007, trong đó sau 06 tháng đầu được chuyển nhượng 50%, sau 06 tháng sau mới được chuyển nhượng hết số còn lại.

Cổ phiếu của cán bộ công nhân viên: 945.753 cổ phiếu. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 03 năm kể từ ngày phát hành 02/07/2007, trong đó hết năm thứ nhất được quyền bán tối đa 50%, hết năm thứ hai được quyền bán tối đa 20%, hết năm thứ ba được quyền bán hết phần còn lại.

Cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên: 54.247 cổ phiếu. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: sau 5 năm kể từ ngày phát hành 02/07/2007.

Cổ phiếu của thành viên HĐQT, BTGD, BKS, Kế toán trưởng: 33.069.026 cổ phiếu. Cổ đông là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu khi niêm yết của cổ phiếu Công ty Cổ phần thủy hải sản Minh Phú trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh là 72.000 đồng/ cổ phiếu. Mức giá này được tính dựa trên phương pháp chiết khấu luồng cổ tức, phương pháp so sánh đồng thời có tham khảo giá giao dịch của cổ phiếu Công ty đang giao dịch trên Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Đối với Công ty cổ phần Thủy hải sản Minh Phú các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 90/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg.

7. Các loại thuế có liên quan

Thuế giá trị gia tăng

Công ty tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 03/CN – CTUB ngày 12/05/1998, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 10/CN-CTUB ngày 15/09/2000 và Công văn số 2756/UB ngày 27/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau, Công ty Minh Phú được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời hạn 5 năm tiếp theo, với thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 20%. Thời gian đăng ký miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01/05/1999. Năm 2005, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp với thuế suất là 20%.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 15/CN – CTUB ngày 05/12/2000 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau, Công ty Minh Phú được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời hạn 5 năm tiếp theo với thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 20%. Thời gian đăng ký miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2002. Năm 2006, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp với thuế suất là 20%.

Công ty Minh Phú- Kiên Giang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 7 năm và giảm 50% trong 8 năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Cty là 15% trong thời gian thực hiện dự án. Năm bắt đầu thực hiện miễn giảm thuế TNDN là năm 2006.

Công ty giống thủy sản Minh Phú được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% thời hạn 15 năm Năm bắt đầu được tính miễn giảm thuế TNDN là năm 2007.

Bên cạnh đó, theo Điều 39 Nghị định 164/2003/NĐ-CP quy định giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước và giảm 20% thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm do doanh thu xuất khẩu lớn hơn 50% tổng doanh thu.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức kiểm toán:

❖ Công ty Cổ phần Kiểm toán và tư vấn (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8272 295 – 8272 296 Fax: (84.8) 8272 298 – 8 272 300

2. Tổ chức tư vấn:

❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8 242 879 Fax: (84.8) 8 242 997

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04. 9 366 321 Fax: 04. 9 366 318

Email: ssi_hn@ssi.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính
4. **Phụ lục IV:** Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, kế toán trưởng
5. **Phụ lục V:** Quy trình Công bố thông tin nội bộ
6. **Phụ lục VI:** Các cam kết và tổng hợp quá trình thay đổi vốn điều lệ của tổ chức niêm yết
7. **Phụ lục VII:** Các tài liệu khác

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN MINH PHÚ****CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC****LÊ VĂN QUANG****TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT****PHAN VĂN DŨNG****KẾ TOÁN TRƯỞNG****LƯU MINH TRUNG**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
T/M CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI



ĐỖ THANH HƯƠNG

